



***NỖ LỰC
VÀ TẬN TÂM***

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

PHẦN I - TỔNG QUAN TVSI

1. Thông tin cơ bản	Trang 4
2. Ngành nghề kinh doanh	Trang 5
3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	Trang 5
4. Cơ cấu cổ đông – thay đổi vốn đầu tư và chủ sở hữu	Trang 6
5. Cơ cấu tổ chức và nhân sự chủ chốt	Trang 7
6. Quá trình hình thành và phát triển	Trang 10
7. Các danh hiệu đạt được	Trang 11

PHẦN II - MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

1. Bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam 2022	Trang 12
2. Thị trường chứng khoán thế giới và Việt Nam 2022	Trang 15
3. Bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2023	Trang 18
4. Hoạt động của TVSI so với các doanh nghiệp trong ngành	Trang 19

PHẦN III - HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tình hình tài chính	Trang 22
2. Hoạt động chứng khoán cơ sở	Trang 23
3. Hoạt động tự doanh	Trang 27
4. Dịch vụ ngân hàng đầu tư	Trang 29
5. Kinh doanh trái phiếu	Trang 29

PHẦN IV - HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH – HỖ TRỢ

1. Xây dựng và phát triển sản phẩm	Trang 32
2. Dịch vụ chăm sóc khách hàng	Trang 33
3. Công nghệ thông tin	Trang 35
4. Quản trị nguồn nhân lực	Trang 37
	Trang 38

PHẦN V - QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	Trang 39
2. Báo cáo của Ban kiểm soát	Trang 40
3. Hoạt động pháp chế và quản trị rủi ro	Trang 45
	Trang 49

PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH


THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Đối tác, Quý Khách hàng!

Năm 2022 thực sự là một năm sóng gió với thị trường tài chính chứng khoán Việt Nam. Và riêng với Tân Việt, từ tháng 10/2022, Công ty đã phải đối mặt với khủng hoảng lớn chưa từng có trong 16 năm hoạt động và phát triển.

Trước những biến cố đó, **với toàn bộ sự Nỗ lực và Tận tâm**, toàn thể đội ngũ Lãnh đạo và Cán bộ nhân viên TVSI đã cùng nỗ lực và tìm ra những biện pháp để trụ vững Công ty, đồng hành với Cổ đông, Đối tác và Khách hàng, duy trì mọi hoạt động kinh doanh.

Trong suốt quá trình này, Ban điều hành TVSI đã nhận được sự cảm thông, chia sẻ và chung tay của đội ngũ Cán bộ nhân viên TVSI cũng như các Cổ đông, Đối tác, Khách hàng. Chúng ta đã khẩn trương, thận trọng, tỉnh táo giải quyết những khó khăn, khủng hoảng và bước đầu đạt những mục tiêu:

- (1) Ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian sớm nhất
- (2) Hạn chế tối đa mọi ảnh hưởng tới Khách hàng và Cán bộ nhân viên

Dù còn vô vàn khó khăn ở phía trước, Ban Điều hành TVSI cam kết sẽ cố gắng hết sức, dành mọi nguồn lực ưu tiên cho những mục tiêu hàng đầu, giữ vững niềm tin của Cổ đông, Đối tác, Khách hàng, Nhà đầu tư, và Cán bộ nhân viên.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và lời tri ân sâu sắc nhất tới Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên TVSI.

Kính chúc Quý vị luôn bình an, mạnh khỏe, cùng TVSI dựng xây một hành trình bền vững, đón một tương lai tươi sáng hơn.

Trân trọng!



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Cường



1

TỔNG QUAN TVSI

- Thông tin cơ bản 5
- Ngành nghề kinh doanh 5
- Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi 5
- Cơ cấu cổ đông - Thay đổi vốn đầu tư và chủ sở hữu 6
- Cơ cấu tổ chức - Nhân sự chủ chốt 7
- Quá trình hình thành và phát triển 10
- Các danh hiệu đạt được 11





PHẦN I. TỔNG QUAN TVSI

1. THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Thành lập ngày: 28/12/2006

Vốn điều lệ: 2.639.000.000.000 đồng (*Hai nghìn sáu trăm ba mươi chín tỷ đồng*)

Địa chỉ: Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84) 24 3728 0921 | Fax: (84) 24 3728 0920

Email: contact@tvs.com.vn | Website: www.tvs.com.vn

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- **Môi giới chứng khoán:** TVSI cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới chứng khoán cơ sở, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Các sản phẩm dịch vụ tài chính: Giao dịch ký quỹ (margin),... Sản phẩm dịch vụ giao dịch điện tử: iTrade-Home; TVSI Mobile; Contact Center & SMS. Đồng thời TVSI cũng là đơn vị cung cấp dịch vụ đấu giá trực tiếp hoặc đại lý đấu giá của các Sở giao dịch chứng khoán.
- **Lưu ký chứng khoán:** TVSI nhận lưu giữ, bảo quản chứng khoán và trợ giúp nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các quyền của mình đối với chứng khoán mà nhà đầu tư đang sở hữu như: Quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu thưởng, quyền chia tách hoặc gộp cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, quyền biểu quyết tại đại hội cổ đông, quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi...
- **Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán:** Bằng sự chuyên nghiệp và tận tâm, TVSI cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho mọi đối tượng cá nhân & tổ chức, khách hàng trong nước & nước ngoài.
- **Bảo lãnh phát hành chứng khoán:** Với năng lực tài chính vững vàng, đội ngũ tư vấn giàu kinh nghiệm, quy trình tư vấn chặt chẽ, được hoàn thiện liên tục, và mối quan hệ sâu rộng với các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức có uy tín, TVSI giúp khách hàng phân phối chứng khoán thành công và nhanh chóng ra công chúng hoặc cho đối tác.
- **Dịch vụ ngân hàng đầu tư:** TVSI cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn về thị trường vốn như: Tư vấn phát hành chứng khoán; Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK; Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp... Các dịch vụ tư vấn về thị trường nợ như: tư vấn phát hành và phân phối trái phiếu; đại lý phát hành và kinh doanh trái phiếu. Tư vấn Mua bán & sáp nhập doanh nghiệp (M&A), ...
- **Đầu tư & kinh doanh nguồn vốn:** Với triết lý kinh doanh an toàn, hiệu quả, TVSI luôn tuân thủ pháp luật, đảm bảo không xung đột với lợi ích của khách hàng. Danh mục đầu tư của TVSI đa dạng và được chọn lọc với các tiêu chí rõ ràng, trong đó chúng tôi ưu tiên tới cổ phiếu/trái phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành, có lợi thế cạnh tranh, hiệu quả hoạt động cao và quản trị minh bạch.

3. TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tâm nhìn

Trở thành định chế tài chính trung gian hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán trong nước và trong khu vực

Sứ mệnh

Mang lại những giá trị vượt trội cho cổ đông, đối tác và khách hàng dựa trên việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính chứng khoán đa dạng, hiệu quả. Đồng thời kiến tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp.

Giá trị cốt lõi

- **Đổi mới, sáng tạo:** Tích cực tiếp thu phản hồi, chủ động thay đổi linh hoạt để nâng tầm dịch vụ, thương hiệu.
- **Trung thực, minh bạch:** Từ quan điểm tới hành động, lãnh đạo làm gương, nhân viên tuân thủ, đề cao đạo đức nghề nghiệp, xứng đáng với niềm tin của khách hàng, cổ đông.
- **Tự chủ, phân quyền:** Cá nhân làm chủ công việc phù hợp với phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm vì mục tiêu hiệu năng, hiệu quả.
- **Dân chủ, tôn trọng:** Mỗi ý kiến, quan điểm dù là khác biệt đều có cơ hội được thẳng thắn trao đổi, lắng nghe và ghi nhận với sự tôn trọng.



4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG - THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ VÀ CHỦ SỞ HỮU

Tại thời điểm 31/12/2022, cơ cấu cổ đông TVSI như sau:

Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 263.900.000
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 263.900.000
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không có

Cơ cấu cổ đông

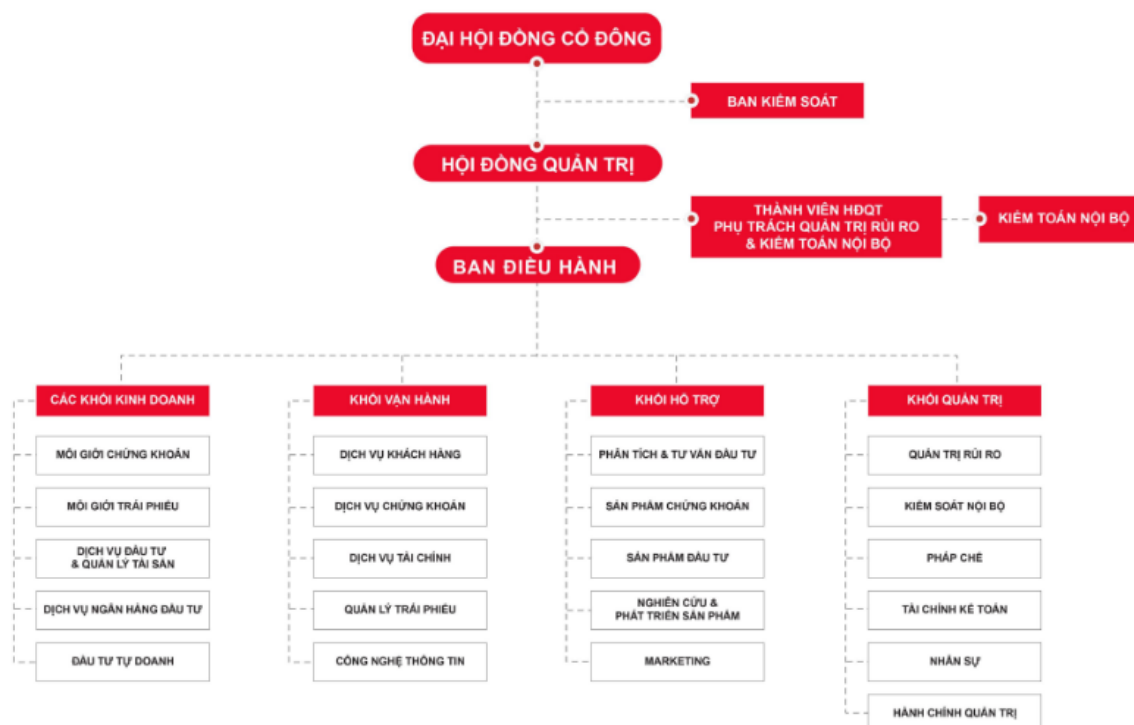
- Theo tỷ lệ sở hữu
- + Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cổ phần trở lên): 10 cổ đông, chiếm tỷ lệ 91,54%
- + Cổ đông khác: 82 cổ đông, chiếm tỷ lệ 8,46%
- Theo loại đối tượng
- + Cổ đông tổ chức: 04 cổ đông, chiếm 38,15%
- + Cổ đông cá nhân: 88 cổ đông, chiếm 61,86%

Ghi chú: TVSI hiện không có cổ đông Nhà nước.

5. CƠ CẤU TỔ CHỨC & NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Căn cứ tình hình thực tế của Công ty cũng như định hướng phát triển, Công ty giải thể Phòng Chính sách tín dụng theo Nghị quyết HĐQT số 52/2022/NQ-HĐQT có hiệu lực từ ngày 16/5/2022.

Sơ đồ tổ chức:



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG – Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc



Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế Quốc dân

Kỹ sư tin học – Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Sofia, Bulgaria

2022: Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT – CTCP Chứng khoán Tân Việt

2007: Phó tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT – CTCP Chứng khoán Tân Việt

2012: Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT

1997: Phó giám đốc Trung tâm tin học – Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

Ông LÊ THANH TÙNG – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc



Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – CT Cao học Việt Bỉ – ĐH Kinh tế Quốc dân

Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Học viện Ngân hàng

Cử nhân Ngoại ngữ – ĐH Ngoại ngữ – ĐH Quốc gia

2018: Thành viên HĐQT – CTCP Chứng khoán Tân Việt

2017: Phó tổng giám đốc – CTCP Chứng khoán Tân Việt

2017: Giám đốc tài chính/Kế toán trưởng – CTCP Chứng khoán Tân Việt

2005: Trưởng phòng Kế toán Tài chính – CN NH TMCP Ngoại thương Việt Nam

Bà BUI THỊ THANH HIỀN – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng



Cử nhân kế toán kiểm toán – Đại học Kinh tế Quốc dân

Cử nhân luật kinh tế – Đại học Luật Hà Nội

Thành viên HĐQT – CTCP Chứng khoán Tân Việt (05/2019 - nay)

Phó tổng giám đốc – CTCP Chứng khoán Tân Việt (01/2019 - nay)

Kế toán trưởng – CTCP Chứng khoán Tân Việt (05/2017 – nay)

Trưởng phòng kế toán – CTCP Chứng khoán Tân Việt (01/2017 – 04/2017)

Phó phòng kế toán – CTCP Chứng khoán Tân Việt (02/2013 – 12/2016)



Ông TẠ MINH PHƯƠNG – Phó Tổng giám đốc



*Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – CFVG – Đại học Kinh tế Quốc dân
Kỹ sư tin học – Đại học Bách Khoa Hà Nội*

2019: Phó Tổng giám đốc – CTCP Chứng khoán Tân Việt
2017: Giám đốc vận hành – CTCP Chứng khoán Tân Việt
2010: Trưởng phòng CNTT – CTCP Chứng khoán Tân Việt
2008: Phó phòng CNTT – CTCP Chứng khoán Tân Việt

Bà TRẦN THỊ CẨM HẠNH – Giám đốc Môi giới khách hàng cá nhân



*Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Viện Quản trị kinh doanh FSB, đại học FPT
Cử nhân ngoại giao – Học Viện Ngoại Giao
Kỹ thuật viên Công nghệ thông tin – Đại học công nghệ Hồ Chí Minh*

2021: Giám đốc Môi giới khách hàng cá nhân CTCP Chứng khoán Tân Việt
2018: Giám đốc Môi giới CTCP Chứng khoán Tân Việt
2016: Trợ lý Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Tân Việt
2012: Trưởng phòng Môi giới và phát triển sản phẩm CTCP Chứng khoán Tân Việt
2010: Phó phòng Môi giới và phát triển sản phẩm CTCP Chứng khoán Tân Việt

Bà PHẠM THỊ LAN NGỌC – Giám đốc Kinh doanh trái phiếu



Cử nhân Tài chính ngân hàng – Học viện Tài chính

2021: Giám đốc Kinh doanh trái phiếu CTCP Chứng khoán Tân Việt
2019: Trưởng phòng Kinh doanh trái phiếu CTCP Chứng khoán Tân Việt
2017: Trưởng phòng Kinh doanh nguồn vốn CTCP Tập đoàn Quản lý quỹ Trí Việt
2014: Phó phòng Nguồn vốn Công ty cổ phần Chứng khoán SHS
2009: Tổ trưởng Tổ phê duyệt tín dụng thẻ NH Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)



Bà NGUYỄN BÍCH VÂN – Giám đốc Nhân sự



*Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia HN
Cử nhân Ngoại ngữ (Tiếng Anh) - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội*

2021: Giám đốc Nhân sự Công ty CP Chứng khoán Tân Việt
2018: Trưởng phòng Nhân sự Công ty CP Chứng khoán Tân Việt
2012: Giám đốc điều hành Công ty CP Chứng khoán Trí Việt
2010: Phó Ban Chính sách và quản lý nhân sự Tập đoàn VinGroup
2002: Trưởng phòng Nhân sự Tập đoàn Tài chính IGS (Mỹ) – VPĐD Việt Nam

Bà NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC – Giám đốc Nghiệp vụ



*Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Ngoại thương
Cử nhân Kế toán Kiểm toán - Đại học Kinh tế TP HCM*

2021: Giám đốc Khối Vận hành CTCP Chứng khoán Tân Việt
2019: Giám đốc Khối Dịch vụ tài chính CTCP Chứng khoán Tân Việt
2015: Trưởng phòng Dịch vụ tài chính CTCP Chứng khoán Tân Việt
2011: Trưởng phòng Dịch vụ chứng khoán CTCP Chứng khoán Tân Việt
2009: Phó phòng Dịch vụ chứng khoán CTCP Chứng khoán Tân Việt
2008: Trưởng phòng giao dịch Láng Hạ CTCP Chứng khoán Tân Việt

Ông LÊ ĐẮC AN – Giám đốc Quản trị rủi ro



Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Ngoại thương

2021: Giám đốc Quản trị rủi ro CTCP Chứng khoán Tân Việt
Thành viên HĐQT Công ty quản lý quỹ Tân Việt
2015: Trưởng phòng Quản trị rủi ro CTCP Chứng khoán Tân Việt
2010: Trưởng phòng Đầu tư CTCP Chứng khoán Tân Việt
2006: Phó trưởng phòng Đầu tư CTTNHH Chứng khoán NH Ngoại thương Việt Nam



6. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2006

- Thành lập TVSI

2007

- Thành viên chính thức của HOSE, HNX
- Thành lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- Triển khai Core giao dịch chứng khoán của nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam

2008

- Tăng vốn điều lệ lên 128 tỷ đồng
- Cung cấp hệ thống phần mềm giao dịch trực tuyến iTrade-Home

2009

- Tăng vốn điều lệ lên 350 tỷ đồng
- Thành lập các Chi nhánh Hải Phòng, Đà Nẵng
- Vận hành Trung tâm Dịch vụ Khách hàng 1900 1885

2010

- Thành lập Chi nhánh Quy Nhơn
- Ra mắt phiên bản Website & iTrade 2010

2011

- Thành lập Chi nhánh Mỹ Đình
- Là một trong số những công ty chứng khoán đầu tiên đáp ứng các yêu cầu của UBCKNN ra mắt sản phẩm giao dịch ký quỹ, triển khai hệ thống phần mềm quản lý hoàn toàn tự động

2012

- Ra mắt hệ thống phần mềm giao dịch trực tuyến trên thiết bị di động iTrade Mobile

2013

- Chuyển trụ sở chính về số 79 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- TOP 10 Công ty chứng khoán có thị phần cao nhất HNX quý III/2013

2014

- Phát hành thành công 188,5 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ TVSI
- Thành viên lập quỹ ETF VFMVN30 nội đầu tiên của Việt Nam
- TOP 10 Công ty chứng khoán có thị phần cao nhất HNX Quý III/2014

2015

- Phát hành thành công 232 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp TVSI

2016

- TOP 10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới cao nhất HNX 2016

2017

- Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng
- Phát hành thành công 2 đợt trái phiếu doanh nghiệp TVSI giá trị trên 400 tỷ đồng
- Dịch vụ tài khoản đầu tư gián tiếp cho khách hàng nước ngoài qua dịch vụ BIDV@Securities

2018

- Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng
- Phát hành thành công 2 đợt trái phiếu doanh nghiệp TVSI với giá trị 290 tỷ đồng

2019

- Dẫn đầu thị phần UPCOM Quý III/2019
- Thành lập Chi nhánh Ngọc Khánh
- Phát triển nghiệp vụ mới: Kinh doanh trái phiếu, quản lý trái phiếu

2020

- Thành lập Chi nhánh Hà Thành

2021

- Tăng vốn điều lệ lên 2.639 tỷ đồng
- TOP 3 thị phần môi giới trái phiếu sàn HOSE năm 2021

2022

- Phát triển các nền tảng giao dịch với các tính năng ưu việt: App TVSI iTrade, TVSI Mobile
- Cơ cấu lại mạng lưới Chi nhánh/PGD tại Hà Nội



7. CÁC DANH HIỆU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

2022



Top 10 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2022
(FAST500) – vị trí 2/10

TOP 100 doanh nghiệp tư nhân đạt lợi nhuận tốt nhất Việt Nam
(PROFIT500) - xếp hạng 88

TOP 350 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2022 – VBE500

2021



Nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư sáng tạo - Việt Nam 2020
Do The Global Economics – UK vinh danh

Công ty chứng khoán tiêu biểu của năm 2020
Do Tạp chí The Asian Banking and Finance ghi nhận

Thăng hạng 28 - Top 500 DN tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2021

Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2021

2020



Công ty Chứng khoán quản trị doanh nghiệp hiệu quả nhất Việt Nam
do tạp chí Tạp chí Tài chính Quốc tế - IFM trao tặng

Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu năm 2020 của HNX

2019



TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2009 và 2019

Công ty Chứng khoán thành viên tích cực năm 2019 của HNX

2018



Công ty phát triển mạng lưới môi giới nhanh nhất Việt Nam 2018

Do tạp chí Global Banking & Finance Review (UK) trao tặng

2017



Sản phẩm giao dịch ký quỹ Chứng khoán tốt nhất Việt Nam

Do tạp chí Global Banking & Finance Review (UK) trao tặng

2016



Hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến tốt nhất Việt Nam 2016

Do tạp chí International Finance Magazine - UK bình chọn

2010



2009-2010 2010-2011



Giải thưởng “TIN VÀ DÙNG” 2009, 2010
cho sản phẩm “Giao dịch trực tuyến”

Thương hiệu chứng khoán uy tín 2010



2

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

- **Bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam 2022** 13
- **Thị trường chứng khoán thế giới và Việt Nam 2022** 15
 - Giá trị giao dịch, vốn hóa, giao dịch khối ngoại
 - Thị trường trái phiếu doanh nghiệp
- **Bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính 2023** 18
 - Dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán thế giới
 - Dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam
- **Hoạt động của TVSI so với các doanh nghiệp trong ngành** 19



1. BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM 2022

1.1 Kinh tế thế giới

Năm 2022 là một năm nhiều thách thức đối với nền kinh tế thế giới. Trong bối cảnh xung đột Nga - Ukraine kéo dài, lạm phát thế giới tăng cao, xu hướng tăng lãi suất, thắt chặt chính sách tiền tệ, tài khóa và hậu quả của đại dịch COVID-19, tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm, rủi ro tài chính, tiền tệ tăng cao.

- **Lãi suất tăng làm chậm đà tăng trưởng nền kinh tế Hoa Kỳ**

Cả năm 2022, tăng trưởng của nền kinh tế lớn nhất thế giới Hoa Kỳ chỉ đạt 2,1%, giảm so với mức 5,9% của năm 2021. Hoạt động của nền kinh tế Mỹ đã phần nào giảm nhiệt sau khi Ngân hàng Dự trữ liên bang Mỹ (FED) 7 lần nâng lãi suất cho vay cơ bản với hy vọng hạ nhiệt sức mua đang nóng và kiểm soát lạm phát gia tăng. Động thái của FED đã khiến lĩnh vực bất động sản sụt giảm, kéo theo hoạt động sản xuất và doanh số bán lẻ suy giảm.

- **Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc giảm tốc do các biện pháp phòng dịch và khó khăn của thị trường bất động sản**

Trung Quốc cũng đã công bố số liệu cho thấy nền kinh tế lớn thứ hai thế giới năm qua tăng trưởng 3%, giảm so với mức 8,1% của 2021. Sự giảm tốc của nền kinh tế là do các biện pháp phong tỏa nghiêm ngặt và cuộc khủng hoảng sâu trong lĩnh vực bất động sản quan trọng.

- **Châu Âu chật vật với giá khí đốt tăng, nhưng đạt tăng trưởng vượt dự báo**

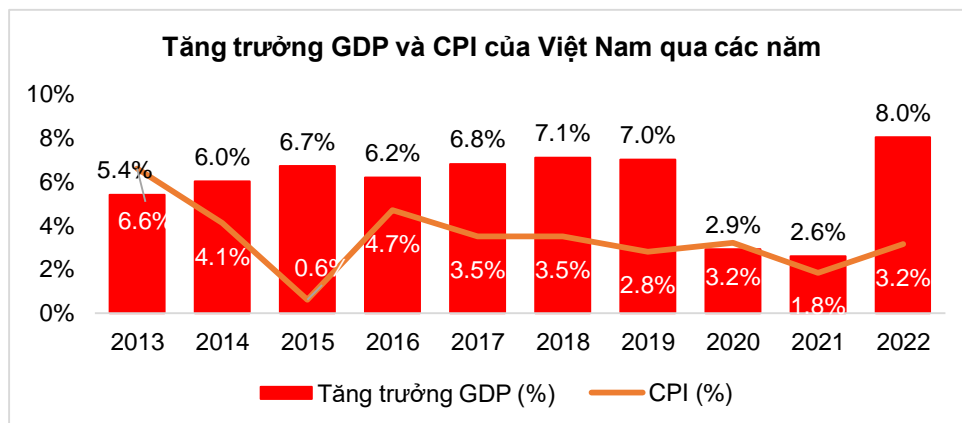
Năm 2022, GDP của Châu Âu tăng trưởng 3,5%, cao hơn Mỹ và Trung Quốc. Quá trình mở cửa trở lại của Châu Âu bắt đầu muộn hơn và kéo dài đến nửa đầu năm 2022, tác động giúp ngành du lịch trọng điểm của khu vực này phục hồi. Bên cạnh đó, thời tiết ôn hòa hơn và sự hỗ trợ của chính phủ đã giảm bớt tác động của giá năng lượng tăng cao do xung đột Nga – Ukraine gây ra.

1.2 Kinh tế Việt Nam

Năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động khó lường. Tuy nhiên, nửa cuối năm, kinh tế Việt Nam đã chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ khi đã bắt đầu kiểm soát có hiệu quả và bước đầu vượt qua đại dịch.

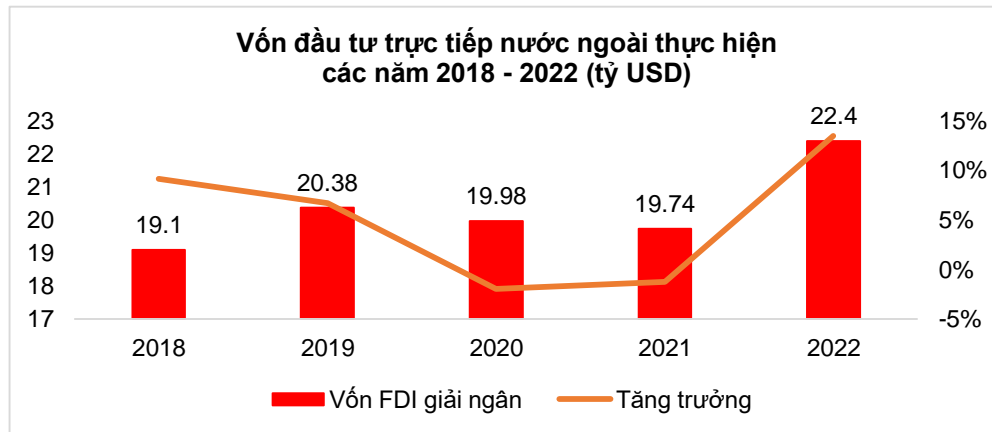
Tăng trưởng GDP và chỉ số CPI

- Tính chung cả năm 2022, GDP Việt Nam tăng 8,02% (quý I tăng 5,05%; quý II tăng 7,83%; quý III tăng 13,71%; quý IV tăng 5,92%) so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2022 ước đạt 9,513 triệu tỷ đồng, tương đương 409 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021.
- Lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 3,54% của năm 2018 và 3,23% của năm 2020; cao hơn mức tăng 2,79% và 1,84% của năm 2019 và năm 2021. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59%.



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trong năm 2022, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam ước đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5%, cao nhất trong 5 năm qua. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 6,46 tỷ USD, chiếm 23,3% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam. Hàn Quốc đứng thứ hai với gần 4,88 tỷ USD. Nhật Bản đã vươn lên vị trí thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 4,78 tỷ USD, chiếm gần 17,3% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo là Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan...

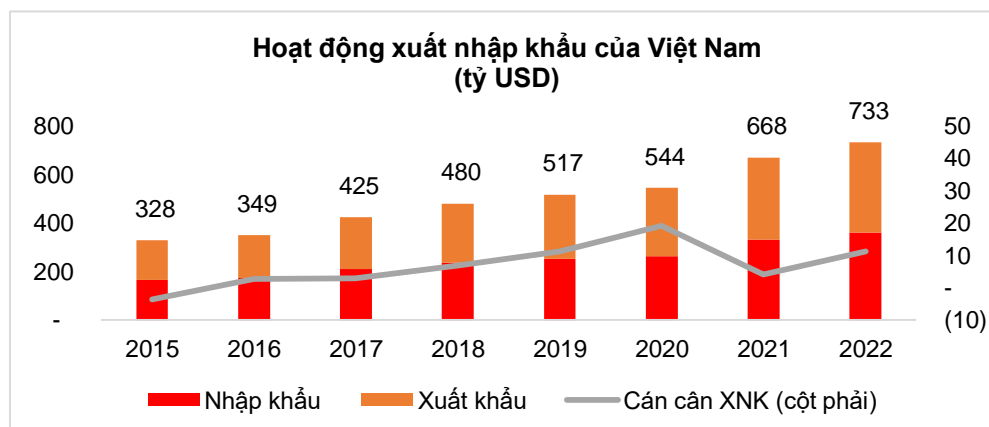


Kim ngạch xuất nhập khẩu

Trong bối cảnh tình hình quốc tế diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam vẫn đạt kỷ lục trên 732,5 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2022 ước đạt 371,85 tỷ USD, tăng 10,6% so với năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 95,09 tỷ USD, tăng 6,5%, chiếm 25,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 276,76 tỷ USD, tăng 12,1%, chiếm 74,4%. Trong năm 2022 có 36 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 94% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 08 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 70,1%).

- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 360,65 tỷ USD, tăng 8,4% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 125,79 tỷ USD, tăng 10%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 234,86 tỷ USD, tăng 7,5%. Trong năm 2022 có 46 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 93,3% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 06 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 52,1%).
- Cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu tới 11,2 tỷ USD. Thành tích xuất siêu vẫn tiếp tục được giữ vững từ năm 2016 đến nay. Năm 2022, mặc dù quý I xuất siêu chỉ đạt gần 1,5 tỷ USD, sau đó trong quý II nhập siêu, nhưng với nỗ lực không ngừng trong quý III (xuất siêu hơn 6 tỷ USD) và quý IV (xuất siêu gần 4,5 tỷ USD), đến hết năm 2022 cán cân thương mại hàng hóa đã đạt xuất siêu 11,2 tỷ USD.





2. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM 2022

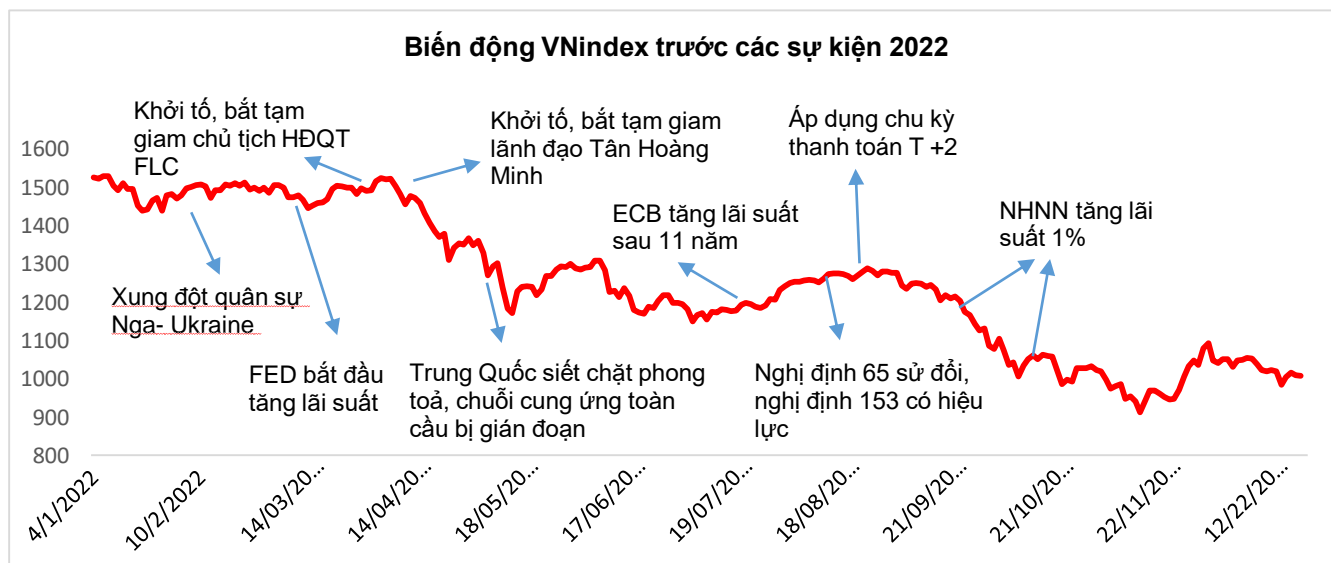
2.1. Thị trường chứng khoán toàn cầu

Năm 2022 là năm khó khăn với thị trường tài chính toàn cầu. Giá hàng hóa tăng phi mã, các ngân hàng trung ương đồng loạt tăng lãi suất để kiềm hãm lạm phát và xung đột địa chính trị đã tác động mạnh đến thị trường cổ phiếu, trái phiếu cũng như tiền tệ.

- Tại Hoa Kỳ, tình hình lạm phát cao dai dẳng và những đợt tăng lãi suất quyết liệt của Fed đã vùi dập các cổ phiếu công nghệ và cổ phiếu tăng trưởng cao khác, đồng thời đè nặng lên tâm lý nhà đầu tư suốt năm 2022. Cả năm, chỉ số Dow Jones sụt giảm 8,5%.
- Tại Châu Âu, chỉ số chứng khoán của tất cả các sàn giao dịch đều ghi nhận sự sụt giảm. Tiêu biểu là các chỉ số: Eurostoxx âm 11,33%; CAC40 của Pháp giảm 9,5%; Ibex Tây Ban Nha mất 6,62%; và DAX của Đức giảm tới 12,33%.
- Tại châu Á, tính cả năm 2022, chỉ số CSI 300 của Trung Quốc giảm gần 22%, chỉ số Hang Seng Hồng Kông giảm gần 16%, chỉ số Nikkei của Nhật Bản giảm hơn 9%.

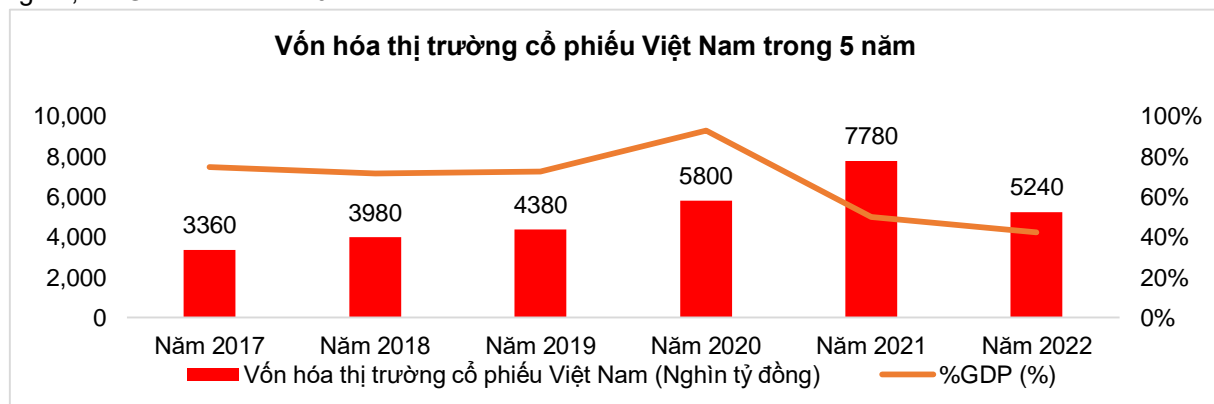
2.2. Thị trường chứng khoán Việt Nam

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 ghi nhận một năm giao dịch ảm đạm khi có đến 7/12 tháng giảm điểm với mức giảm rất lớn lên đến 32,8% so với mức giá trị cuối năm 2021 và nếu so với giá trị cao nhất đạt được trong năm 2022 thì mức giảm lên đến 34,6%. Nhóm ngành chứng khoán, nguyên vật liệu xây dựng và BĐS là ba nhóm ngành giảm mạnh nhất năm 2022 với mức giảm vượt xa mức giảm của Vnindex và đều giảm hơn 50% so với năm 2021. Ngược lại, nhóm ngành năng lượng, bảo hiểm và công nghệ ghi nhận mức suy giảm ít nhất.



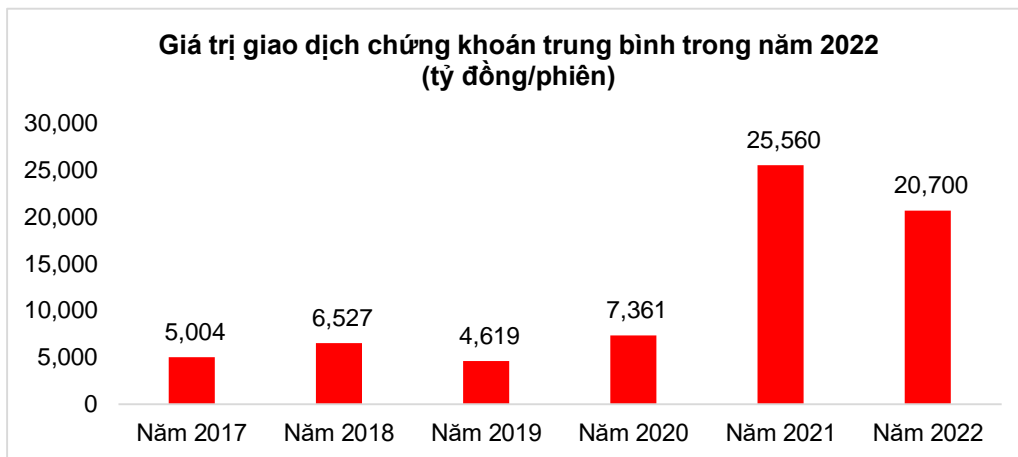
Quy mô vốn hoá toàn thị trường

Tổng vốn hóa thị trường Việt Nam năm 2022 đạt hơn 5.2 triệu tỷ đồng, giảm khoảng 33% so với năm 2021 và tương đương 42,2% GDP của năm 2022.



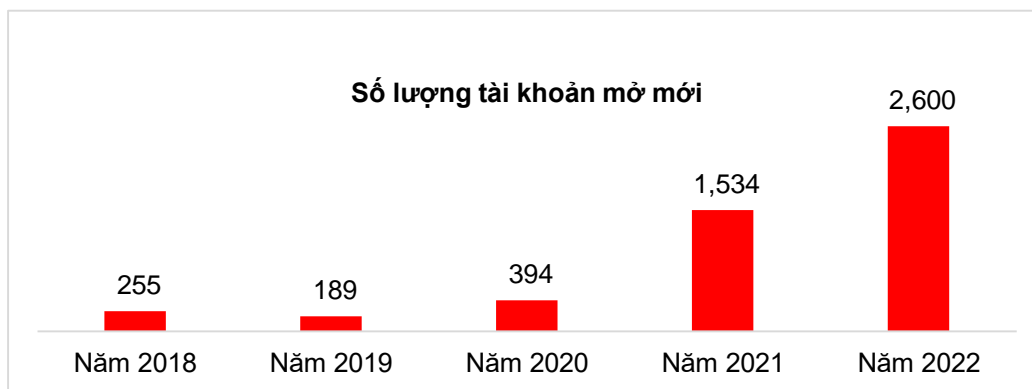
Giá trị giao dịch bình quân

Năm 2022, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 20.700 tỷ đồng/phiên, giảm 19% so với bình quân năm trước; giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu đạt 7.737 tỷ đồng/phiên, giảm 32,2%; khối lượng giao dịch bình quân trên thị trường chứng khoán phái sinh của sản phẩm hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 đạt 270.484 hợp đồng/phiên, tăng 43%.



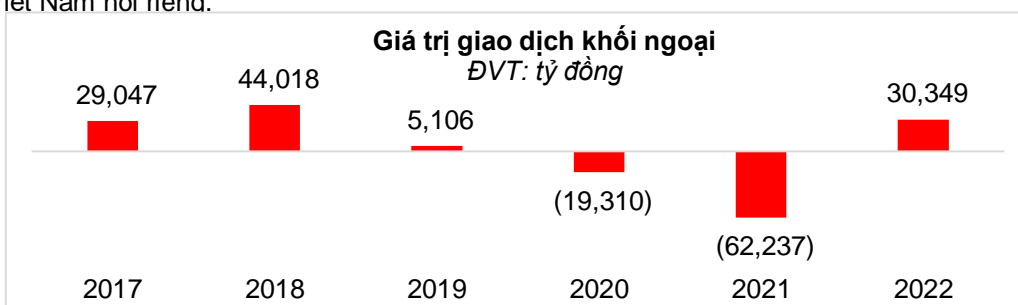
Số lượng tài khoản mở mới

Năm 2022, số lượng nhà đầu tư mới tham gia thị trường vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao với số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư trung bình hàng tháng là hơn 215.000 tài khoản. Tính đến cuối năm 2022, cả nước có 6.897.071 tài khoản chứng khoán của cả nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư tổ chức, tăng gần 2,6 triệu tài khoản so với cuối năm 2021. Tỷ lệ tài khoản chứng khoán trên số dân cư Việt Nam cũng đã rơi vào mức 6,93% - vượt xa mục tiêu 5% mà chính phủ đề ra đến năm 2025. Mặc dù vậy, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cũng nhận định bình quân chỉ có khoảng 20 – 30% số tài khoản hoạt động.



Giao dịch khối ngoại

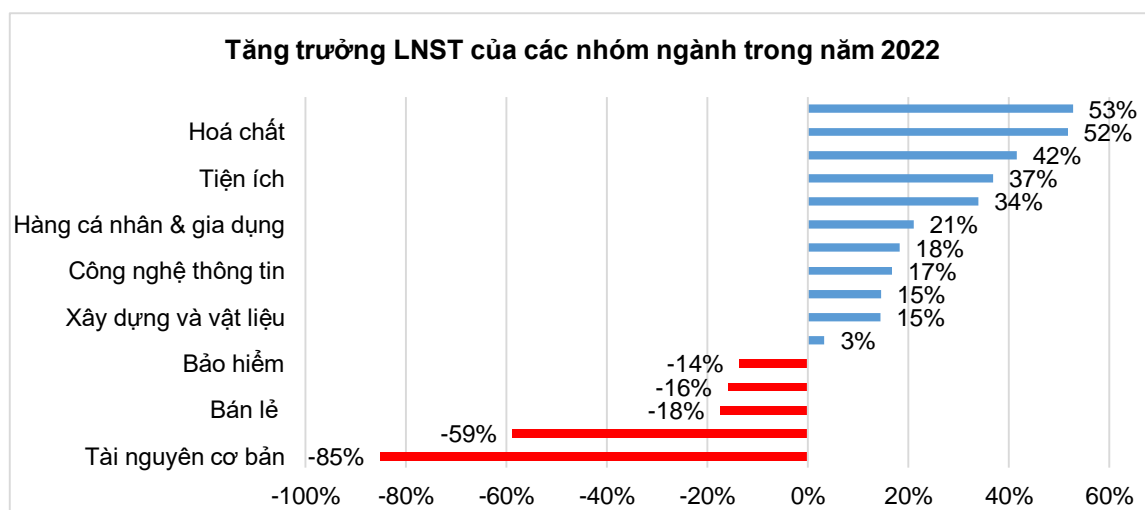
Sau 2 năm liên bán ròng giá trị lớn, khối nhà đầu tư ngoại đã mua ròng trở lại trong năm 2022 với giá trị mua ròng đạt 30.349 tỷ đồng. Điều này đánh dấu cột mốc mới cho thấy nhà đầu tư ngoại đang quay trở lại với khu vực châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng.



Lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết

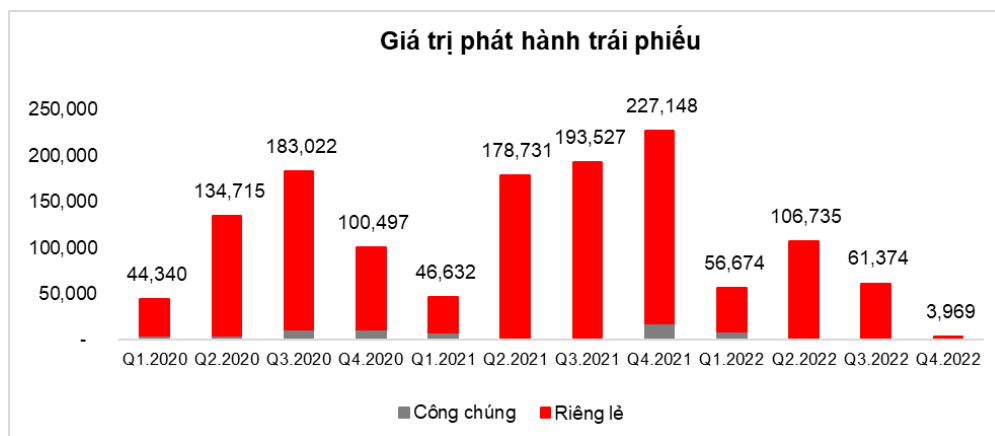
Trong năm 2022, tăng trưởng lợi nhuận sau thuế toàn thị trường đạt +11,5%.

- Các ngân hàng tiếp tục ghi nhận tăng trưởng cao về lợi nhuận sau thuế ở mức 34%. Tỷ suất lợi nhuận ròng (NIM) của các ngân hàng cải thiện mạnh trong 9T2022, giúp lợi nhuận tăng cao. Chỉ sang quý 4, do ảnh hưởng của lãi suất huy động tăng cao, NIM giảm nhẹ và lợi nhuận sau thuế các ngân hàng tăng thấp so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận doanh nghiệp của khối phi tài chính gần như đi ngang với mức tăng không đáng kể (+1,3%) trong năm 2022, sau khi hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ngành bất động sản, Tài nguyên cơ bản, Hóa chất, Thực phẩm & Đồ uống, Hàng và dịch vụ công nghiệp chuyển hướng kém đi trong giai đoạn nửa cuối năm.



2.3. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Thị trường trái phiếu trong năm 2022 gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh lãi suất ngân hàng tăng cao, niềm tin của nhà đầu tư và thanh khoản thị trường trong nước suy giảm và tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước những bất ổn và triển vọng kém tích cực về tình hình kinh tế - chính trị thế giới.

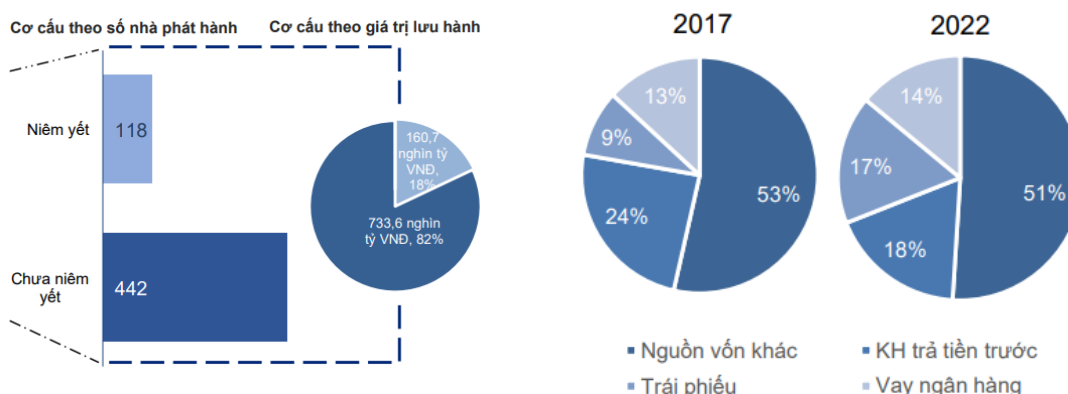


Nguồn: TVSI tổng hợp. ĐVT: tỷ đồng

- Vào nửa cuối năm 2022, thị trường trái phiếu doanh nghiệp chứng kiến “cú sốc” tâm lý lan rộng khi nhà đầu tư chứng kiến các vụ việc xảy ra tại Tập đoàn Tân Hoàng Minh và Vạn Thịnh Phát. Niềm tin suy giảm kết hợp với thanh khoản dòng tiền trả nợ trái phiếu của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn đã khiến thị trường này gia tăng rủi ro.
- Theo đó, giá trị phát hành trái phiếu trong năm giảm mạnh. Tính chung cả năm 2022, có tổng số 19 đợt phát hành trên thị trường trong nước, tương ứng quy mô trung bình mỗi đợt phát hành là 209 tỷ đồng/đợt. Tổng giá trị phát hành năm 2022 đạt 255.163 tỷ đồng, giảm 66% so với cùng kỳ.



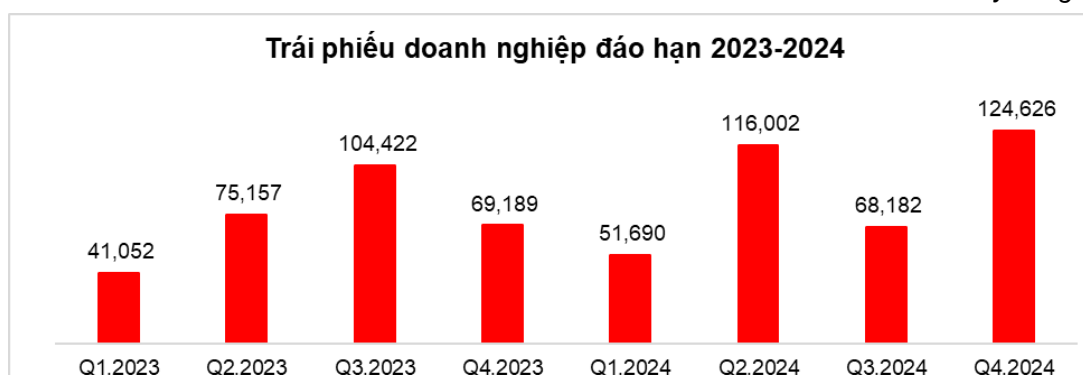
- Việc huy động vốn thông qua kênh trái phiếu gặp khó khăn, nguồn vốn vay ngân hàng bị hạn chế, khiến nhiều chủ đầu tư bất động sản thiếu vốn trầm trọng, thị trường BĐS bị ảnh hưởng tiêu cực khi thanh khoản giảm sút mạnh.



Cơ cấu nguồn vốn của ngành BĐS có tỷ trọng khá lớn từ trái phiếu. (Nguồn: TVSI tổng hợp)

- Đã xuất hiện nhiều tổ chức phát hành gặp khó khăn về dòng tiền để đáp ứng các nghĩa vụ của trái phiếu, trong đó chủ yếu là các doanh nghiệp bất động sản. Việc chậm trả lãi, gốc trái phiếu càng khiến cho niềm tin trên thị trường giảm sút, khiến tình hình càng trở nên trầm trọng.

ĐVT: Tỷ đồng



Dự báo trong năm 2023 và 2024, thị trường trái phiếu doanh nghiệp còn gặp nhiều rủi ro và thách thức khi một lượng lớn trái phiếu đến kỳ đáo hạn.



3. BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2023

3.1. Dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán thế giới

Kinh tế vĩ mô

IMF và WB đưa ra dự báo kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng chậm lại. IMF dự báo GDP toàn cầu sẽ giảm từ kết quả tăng 3,4% trong năm 2022 xuống mức tăng trưởng 2,9% trong năm nay, sau đó phục hồi lên mức tăng 3,1% vào năm 2024. WB dự báo năm 2023, tăng trưởng kinh tế thế giới chỉ ở mức 1,7% thấp hơn nhiều so với mức dự báo 3% mà WB công bố hồi tháng 6/2022.

Yếu tố tác động tăng trưởng: Tăng trưởng toàn cầu đang chậm lại đáng kể do lạm phát tăng cao, cuộc đua tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương, đầu tư giảm và gián đoạn nguồn năng lượng do tác động của cuộc xung đột Nga – Ukraine.



Thị trường chứng khoán thế giới

- Thị trường chứng khoán thế giới đang trong đà hồi phục, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro do kinh tế thế giới phát triển chậm lại và lo ngại suy thoái kinh tế. Goldman Sachs nhận định, sự phục hồi của thị trường chứng khoán toàn cầu sẽ không dễ dàng khi lạm phát cao, suy thoái và lợi nhuận thu hẹp là những rủi ro chính.
- Có thể thấy nhiều thách thức của năm 2022 sẽ tiếp tục kéo dài sang năm 2023, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phục hồi của thị trường chứng khoán thế giới. Tuy nhiên, khi các điều kiện kinh tế dần được cải thiện, nhà đầu tư và các doanh nghiệp... vẫn có thể kỳ vọng vào việc các thị trường sẽ lấy lại đà tăng, đặc biệt là trong giai đoạn nửa sau của năm 2023.

3.2. Dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam

Kinh tế vĩ mô

- Kinh tế vĩ mô được dự báo tích cực tuy nhiên tốc độ tăng trưởng sẽ chậm lại do tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu, GDP sẽ tăng khoảng 6% - 6,3%; Tốc độ tăng CPI bình quân tiếp tục được kiểm soát tốt khoảng 3,5% trong năm 2023.
- Các yếu tố hỗ trợ tăng trưởng kinh tế năm 2023: (1) Ngành dịch vụ, ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản vẫn là điểm sáng của nền kinh tế nhờ việc Trung Quốc mở cửa trở lại sớm hơn dự kiến. (2) Đầu tư công sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong thời gian tới (3) Môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện (4) Kỳ vọng các đơn đặt hàng xuất khẩu của các nhà bán lẻ ở Hoa Kỳ và EU sẽ phục hồi trong nửa cuối năm 2023.
- Các yếu tố rủi ro có thể làm chậm tốc độ tăng trưởng: (1) Tác động của tăng trưởng toàn cầu đang có dấu hiệu chậm lại đến ngành sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam (2) Việt Nam phải đối mặt với các thách thức như: Môi trường lãi suất cao, lạm phát thế giới vẫn ở mức cao, ngành bất động sản đang gặp nhiều khó khăn.

Thị trường chứng khoán Việt Nam

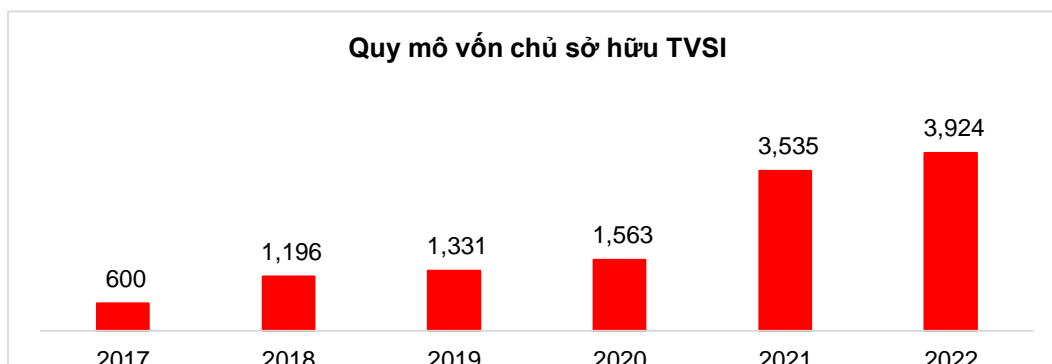
- Việt Nam đang dần hoàn thiện cơ chế chính sách và cơ cấu bộ máy của thị trường chứng khoán và các quy định pháp lý cho hoạt động phát hành trái phiếu để đáp ứng nhu cầu cung cấp vốn vay trung và dài hạn. Đây sẽ là cơ sở giúp các doanh nghiệp có thể đẩy mạnh huy động vốn trên thị trường chứng khoán trong các năm tới.
- Năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục đối diện nhiều thách thức như rủi ro lạm phát tăng, lượng trái phiếu doanh nghiệp đến hạn vào năm 2023 đạt mức cao nhất trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có rủi ro suy thoái và nhu cầu tiêu dùng trong nước bị ảnh hưởng tiêu cực từ lạm phát.
- Các ngành Khu công nghiệp, dầu khí, bảo hiểm là những ngành được dự báo tích cực trong năm 2023.



4. HOẠT ĐỘNG CỦA TVSI SO VỚI CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KHÁC

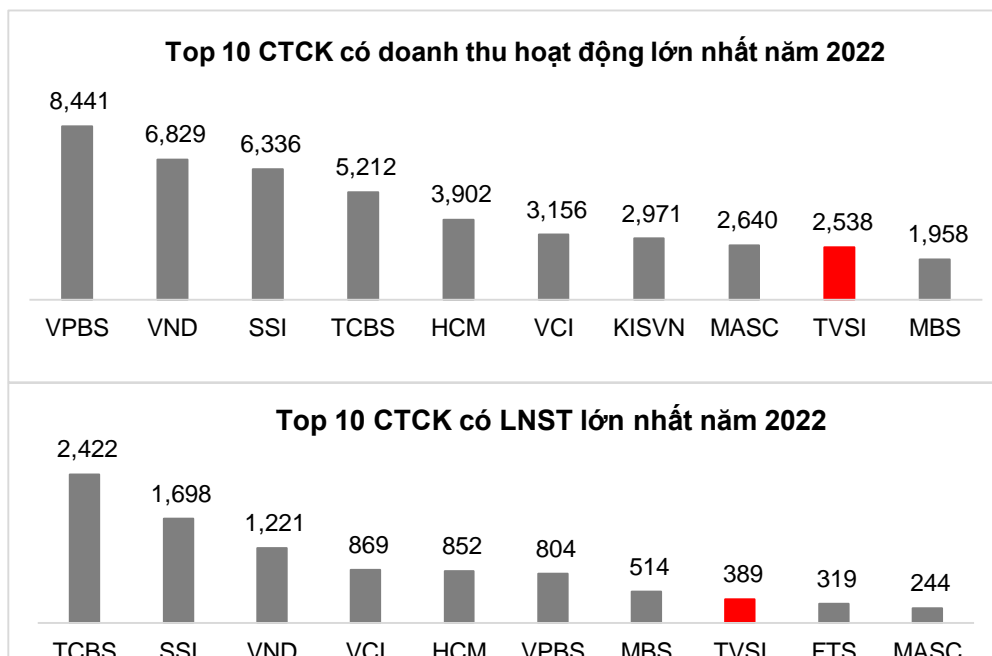
Quy mô vốn chủ sở hữu

Tính đến cuối năm 2022, vốn chủ sở hữu của TVSI đạt 3.924 tỷ đồng. Mặc dù năm 2022 là một năm nhiều biến động trên thị trường chứng khoán, quy mô vốn chủ sở hữu của TVSI vẫn tiếp tục tăng trưởng 11% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả giai đoạn từ 2017- 2022, quy mô vốn của Công ty đạt tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu trung bình đạt 46%/năm.

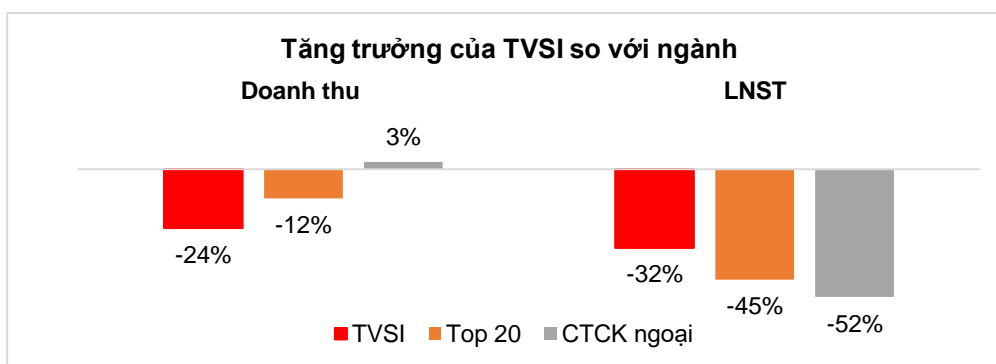


Tăng trưởng của TVSI so với tăng trưởng các công ty chứng khoán khác

TVSI tiếp tục trong Top 10 các công ty chứng khoán có doanh thu hoạt động lớn nhất trong năm 2022. Cụ thể, trong năm 2022, TVSI ghi nhận 2538 tỷ doanh thu hoạt động và 389 tỷ lợi nhuận sau thuế, lần lượt giữ vị trí thứ 9 và vị trí thứ 8 trong toàn ngành.

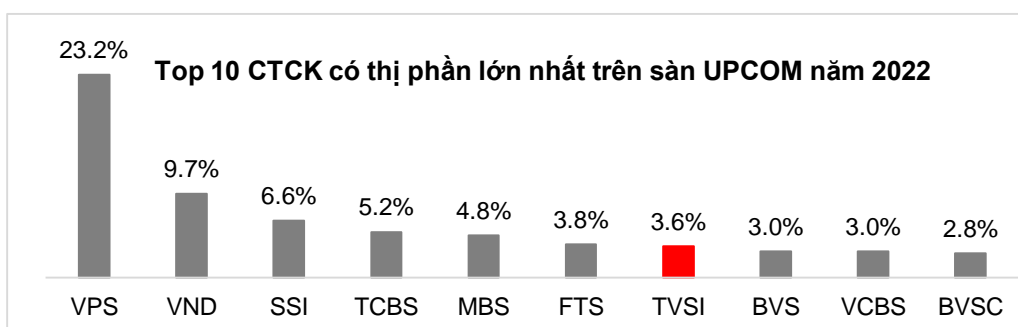


Năm 2022 là một năm nhiều thử thách đối với các công ty chứng khoán. Chỉ số VN-index giảm 33% từ vùng 1.500 về quanh mức 1.000 điểm. Thanh khoản bình quân sụt giảm gần 20%. Thị trường đi xuống đã khiến các công ty trong ngành trong đó có TVSI gặp nhiều khó khăn, do đó đó dẫn tới kết quả kinh doanh toàn ngành sụt giảm mạnh.



Giữ vững thị phần môi giới

TVSI xếp thứ 7 CTCK có thị phần môi giới cổ phiếu thị trường UPCoM lớn nhất trong năm 2022.

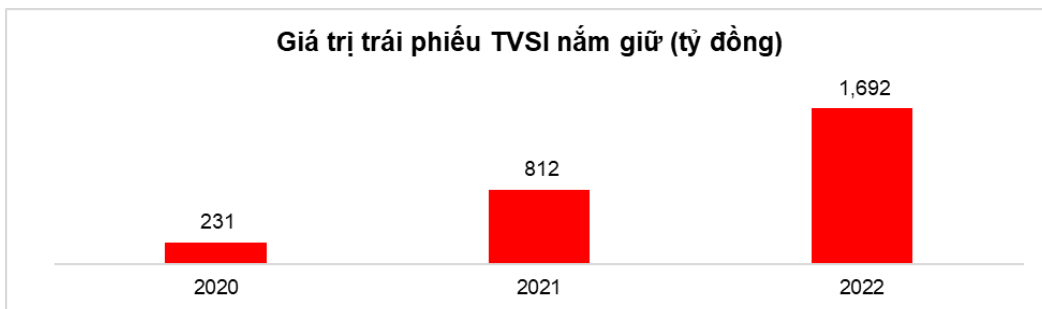


Nằm trong Top 15 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu trên thị trường cổ phiếu niêm yết với thị phần giữ vững ở mức trên 2%.

Mảng kinh doanh trái phiếu gặp nhiều khó khăn

Năm 2022, do tác động bởi ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường chung, TVSI với vai trò là tổ chức tư vấn, đại lý lưu ký, đại lý phân phối, nhà đầu tư trái phiếu... không tránh khỏi những ảnh hưởng sâu sắc khi các tổ chức phát hành không thể thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà đầu tư.

- Giá trị giao dịch trái phiếu tại TVSI đạt đỉnh vào năm 2021 với giá trị gần 392.000 tỷ và giảm về mức 384.000 tỷ trong năm 2022.



- Tính đến hết năm 2022, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp mà TVSI sở hữu là hơn 1.692 tỷ đồng. Với khó khăn của thị trường, dòng tiền và khả năng thanh toán lãi, gốc của nhiều TCPH sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến dòng tiền và hoạt động kinh doanh của TVSI.



3

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Tình hình tài chính 23
- Hoạt động chứng khoán cơ sở 27
- Hoạt động tự doanh 29
- Dịch vụ ngân hàng đầu tư 29
- Kinh doanh trái phiếu 31





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TVSI

1. Kết quả hoạt động năm 2022

Năm 2022 là năm rất khó khăn đối với ngành tài chính nói chung và với TVSI nói riêng nên hầu hết các hoạt động kinh doanh chính của Công ty đều không hoàn thành kế hoạch đặt ra. Theo báo cáo kết quả kinh doanh, tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2022 đạt 2.552 tỷ đồng, giảm 24% so với năm 2021, vượt 2,7% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 389 tỷ đồng, đạt 69% kế hoạch năm, giảm 33,8% so với cùng kỳ.

Kết quả kinh doanh so với kế hoạch năm 2022

ĐVT: Triệu đồng

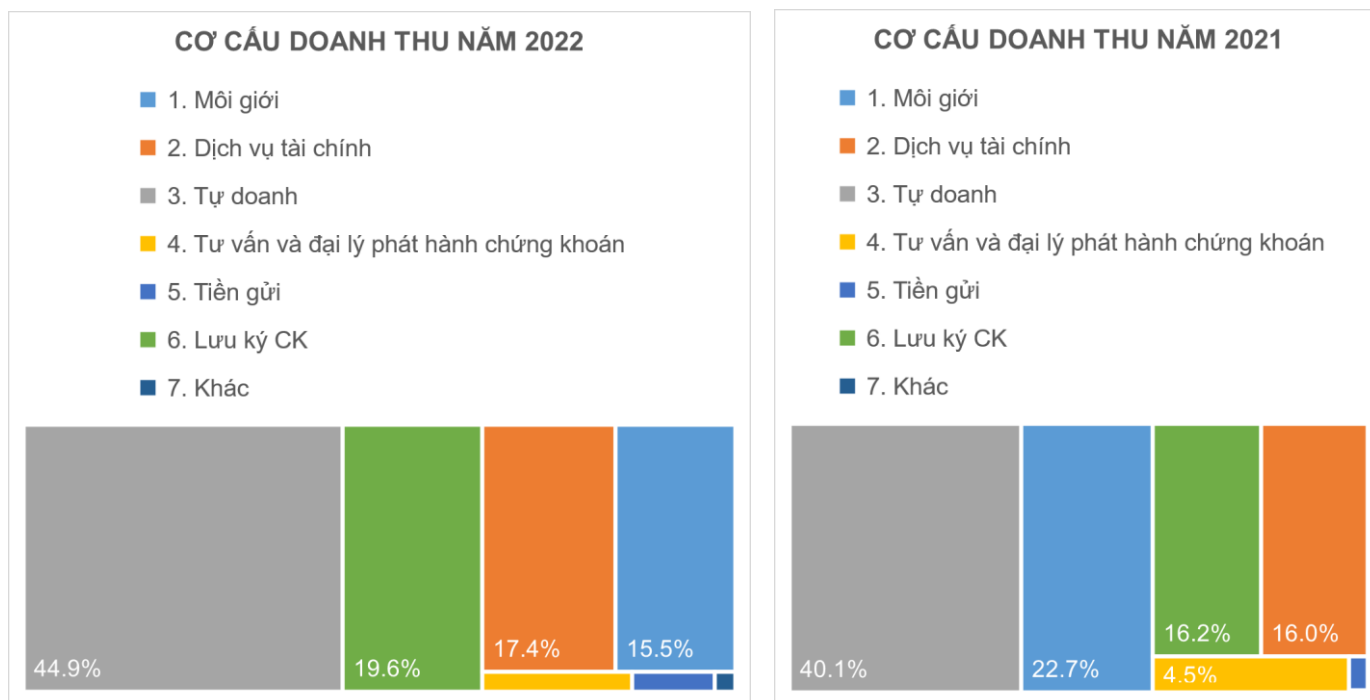
Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Kế hoạch 2022	%+/-TH/KH	%+/-2022/2021
Doanh thu	2,552,289	3,360,591	2,484,005	3%	-24%
Môi giới	396,470	763,715	697,280	-43%	-48%
Dịch vụ tài chính	443,112	538,368	671,412	-34%	-18%
Tự doanh	1,145,846	1,347,796	172,500	564%	-15%
Tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán	39,517	152,357	125,348	-68%	-74%
Lãi tiền gửi	21,873	13,715	15,000	46%	59%
Doanh thu lưu ký CK	500,097	543,873	802,165	-38%	-8%
Khác	5,374	767	300	1691%	601%
Chi phí	2,057,808	2,626,713	1,780,123	16%	-22%
Lợi nhuận trước thuế	494,481	733,878	703,882	-30%	-33%
Lợi nhuận sau thuế	389,142	587,791	563,106	-31%	-34%

(Nguồn: Báo cáo tài chính TVSI đã kiểm toán các năm từ năm 2018-2021, riêng năm 2022 chưa được kiểm toán)

- Doanh thu hoạt động môi giới đạt 396 tỷ đồng, giảm 48% so với cùng kỳ, đạt 57% so với kế hoạch. Doanh thu hoạt động môi giới chiếm 16% trong tổng doanh thu, giảm tỷ trọng so với con số 23% năm 2021 do thị trường giảm mạnh trong năm 2022.
- Doanh thu hoạt động dịch vụ tài chính đạt 443 tỷ đồng, giảm 18% so với cùng kỳ, bằng 66% kế hoạch. Dư nợ hoạt động cho vay tại thời điểm cuối năm 2022 chỉ còn 318 tỷ đồng, giảm 93% so với 2021. Doanh thu hoạt động dịch vụ tài chính chiếm 17% tổng doanh thu.
- Đầu tư tự doanh giảm 15% so với cùng kỳ, đạt 564% kế hoạch năm. Hoạt động dịch vụ tài chính, môi giới chứng khoán và tự doanh là những hoạt động kinh doanh chủ đạo, mang lại nguồn doanh thu ổn định cho Công ty trong năm tài khóa 2022, đóng góp 78% tổng doanh thu.
- Ngân hàng đầu tư chiếm tỷ trọng 2% trên tổng doanh thu, đạt 39,5 tỷ đồng, giảm 74% so với cùng kỳ, đạt 32% kế hoạch năm.
- Doanh thu lưu ký chứng khoán đạt 500 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ và đạt 62% kế hoạch năm.

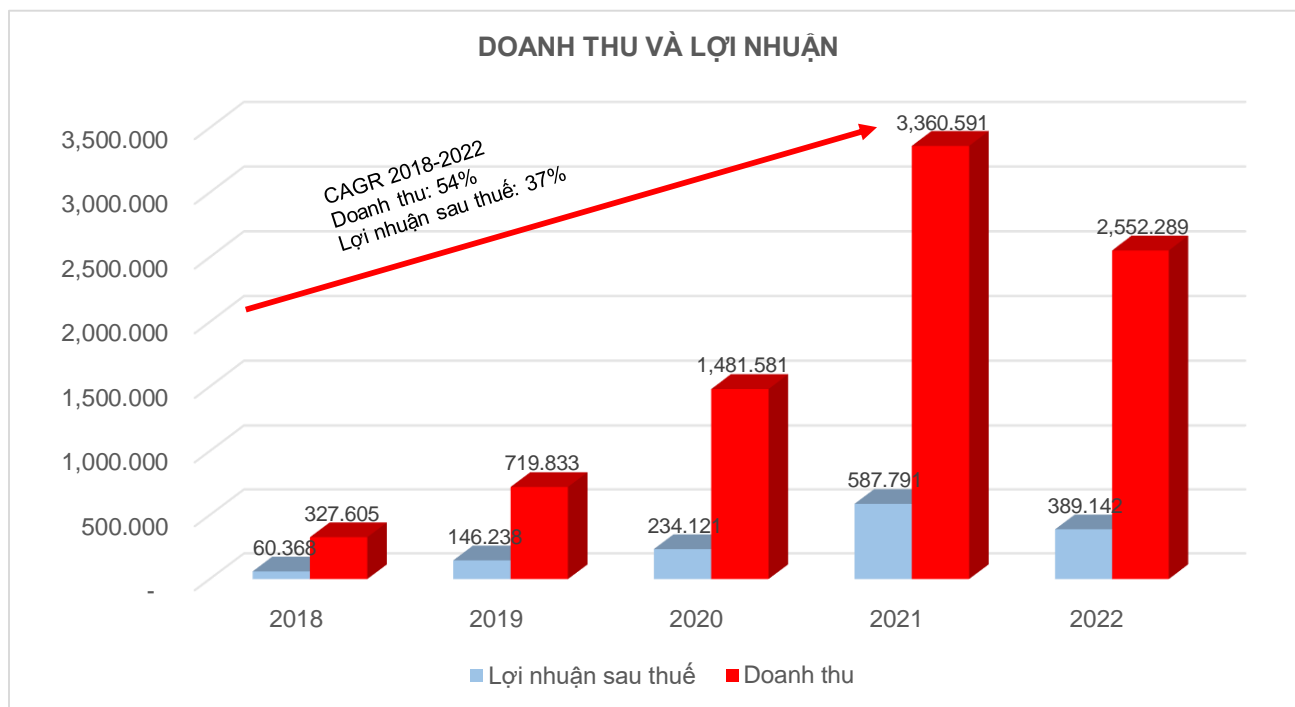


Cơ cấu doanh thu năm 2022 và 2021:



Lũy kế trong giai đoạn 2018-2022, tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm đạt 54%, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận đạt 37%. Doanh thu năm 2022 tăng 8,6 lần, lợi nhuận sau thuế tăng 4,8 lần so với năm 2018.

Biểu đồ tăng trưởng doanh thu – lợi nhuận 2018-2022



(Nguồn: Báo cáo tài chính TVSI đã kiểm toán các năm từ năm 2018-2021, riêng năm 2022 chưa được kiểm toán. Số liệu được trình bày lại phù hợp chế độ kế toán mới)



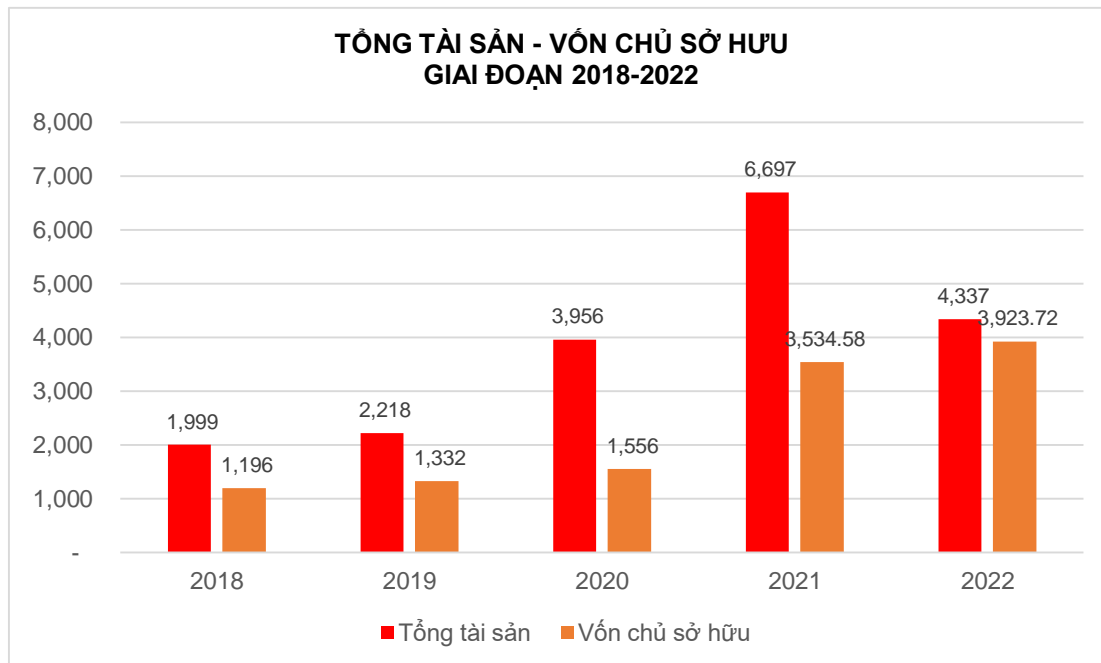
2. Tài sản – nguồn vốn

Bảng cơ cấu tài sản – nguồn vốn 2018-2022

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Tài sản ngắn hạn	1.972.671	2.178.937	3,912,595	6,590,896	4,265,589
Tài sản dài hạn	26.648	38.727	43,888	106,156	71,719
Tổng tài sản	1.999.319	2.217.664	3,956,483	6,697,052	4,337,308
Nợ phải trả	802.882	885.269	2,400,042	3,162,470	423,584
<i>Nợ ngắn hạn</i>	225.882	560.264	1,711,193	2,307,347	368,641
<i>Nợ dài hạn</i>	577.000	325.005	688,848	855,124	44,942
Vốn chủ sở hữu	1.196.437	1.332.395	1,556,441	3,534,581	3,923,723
Tổng nguồn vốn	1.999.319	2.217.664	3,956,483	6,697,052	4,337,308

Biểu đồ tốc độ tăng trưởng Tổng tài sản – Vốn chủ sở hữu 2018 đến 2022



(Nguồn: Nguồn Báo cáo tài chính TVSI đã kiểm toán các năm từ 2018 đến 2021, riêng năm 2022 chưa kiểm toán. Số liệu được trình bày lại phù hợp chế độ kế toán mới)

- Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản đồng đều qua các năm, năm 2021 đạt đỉnh tổng tài sản đạt 6.697 tỷ đồng, tăng gần 70% so với thời điểm cuối năm 2020. Tài sản dài hạn tăng 142% so với đầu năm, nhưng chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản, sự tăng trưởng tổng tài sản chủ yếu đến từ sự gia tăng tài sản ngắn hạn do đó trong cơ cấu tổng tài sản, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu (98%). Năm 2022 tình hình kinh doanh của TVSI gặp nhiều khó khăn do tác động tiêu cực của thị trường vốn nên tổng tài sản có biến động giảm mạnh so với đầu năm, mức giảm tương đương 35%.



- Cơ cấu tổng nguồn vốn có sự thay đổi lớn so với thời điểm đầu năm 2022. Nợ phải trả giảm 2.478 tỷ đồng tương đương giảm 87% so với cuối năm 2021. Vốn chủ sở hữu tăng từ 3.535 tỷ đồng lên 3.924 tỷ đồng tăng 11% do nguồn lợi nhuận để lại. Nợ phải trả ngắn hạn giảm mạnh, giảm 1.938 tỷ đồng (tương đương mức giảm 84%), nợ dài hạn giảm 810 tỷ đồng (tương đương mức giảm 95%) chủ yếu là do TVSI mua lại trái phiếu trước hạn.

3. Các chỉ số tài chính

Chỉ số thanh toán	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Chỉ số tiền mặt	1,39	0,71	0.44	0.15	5.34
Chỉ số thanh toán nhanh	8,71	3,89	2.29	2.90	11.57
Chỉ số thanh toán hiện hành	8,72	3,89	2.29	2.90	11.57
Các chỉ số nợ					
Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản	0,40	0,40	0.61	0.46	0.10
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0,67	0,66	1.54	0.89	0.11
Hệ số an toàn tài chính	592,00	520,87	347.03	375,89	374,6%
Cơ cấu tài sản					
TSNH/ Tổng tài sản	98,67%	98,25%	98.89%	98.44%	98.35%
TSDH/ Tổng tài sản	1,33%	1,75%	1.11%	1.56%	1.65%
Tỷ suất sinh lợi					
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,20	0,34	0.48	0.62	0.46
Hệ số LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)	0,07	0,12	0.16	0.23	0.10
Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROAA)	0,04	0,07	0.08	0.11	0.07

- Các chỉ số thanh toán tuy có mức tăng mạnh so với năm 2021 ở mức an toàn khi tài sản ngắn hạn luôn đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (tài sản ngắn hạn bằng 11,57 lần nợ ngắn hạn). Trong năm 2022, Công ty luôn đảm bảo tính thanh khoản tốt khi đảm bảo nguồn tiền dồi dào và thanh toán các khoản nợ phải trả đúng hạn và đầy đủ.
- Các chỉ số nợ giảm so với năm 2021 và tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty luôn ở mức cao, vượt nhiều lần tỷ lệ an toàn theo quy định.
- Tỷ suất sinh lời giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2021.



1. Kết quả hoạt động năm 2022

Trước những khó khăn bất lợi của năm 2022, mảng kinh doanh chứng khoán cơ sở được TVSI tập trung tối đa nguồn lực, nỗ lực không ngừng nghỉ để mọi hoạt động vẫn diễn ra thông suốt, ổn định, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu giao dịch của nhà đầu tư.

Ổn định thị phần môi giới

Một năm biến động mạnh trong thanh khoản trên thị trường chứng khoán 2022, cùng với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn về thị phần của các công ty chứng khoán, cũng như các biến cố của Công ty. TVSI nỗ lực giải quyết các vấn đề trong giai đoạn khủng hoảng, giữ thị phần môi giới đạt 1,79% năm 2022. Trong đó Khối Môi giới chiếm 78,8% thị phần TVSI đạt 1.41% thị phần trên thị trường.

Giữ vững số lượng tài khoản hoạt động trên toàn hệ thống

Tính đến cuối năm 2022 tổng số tài khoản nhà đầu tư tại TVSI là **83.867** tài khoản, trong đó số lượng tài khoản thuộc Khối Môi giới quản lý chiếm 60.9% tương đương 51.109 tài khoản. Số lượng tài khoản mở mới trong năm 2022 đạt 6.997 tài khoản.

Duy trì doanh thu – lợi nhuận môi giới 2022

Doanh thu của TVSI duy trì, ổn định và đều đặn qua các năm. Song trước những biến cố lớn diễn ra vào cuối Quý III 2022 đối với TVSI nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung, hoạt động môi giới đã không thể hoàn thành chỉ tiêu đề ra đầu năm:

- Doanh thu 2022 đạt 261.7 tỷ đồng.
- Lợi nhuận hoàn thành 55% kế hoạch kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận đạt trên 13.2% năm 2022.

Cấu trúc lại mạng lưới kinh doanh

Để tập trung xử lý khủng hoảng từ tháng 10/2022, bản đồ các đơn vị kinh doanh môi giới của TVSI được làm mới, tinh gọn bằng việc tổ chức, sáp nhập các chi nhánh, đơn vị kinh doanh tại các thành phố lớn. Động thái này nằm trong chuỗi giải pháp liên tục đổi mới để thích ứng với bối cảnh mới của thị trường và chiến lược quản trị của TVSI. Hệ thống các đơn vị kinh doanh môi giới TVSI hiện nay gồm 1 hội sở, 5 chi nhánh tại Hà Nội và các chi nhánh Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, TP.HCM.

2. Định hướng hoạt động chứng khoán cơ sở năm 2023

Với tâm thế “Nỗ lực và Tận tâm”, TVSI không chỉ tổ chức hoạt động kinh doanh hướng tới tính bền vững, tập trung vào việc củng cố nội bộ mà còn nâng cao năng lực nội tại TVSI, đề cao sự đổi mới của từng cá nhân trong tổ chức.

- Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động của Công ty. Vì vậy, Khối Môi giới luôn bám sát các diễn biến trên thị trường tài chính để chủ động nghiên cứu, nỗ lực không ngừng cải thiện chất lượng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới: áp dụng cơ chế chăm sóc khách hàng linh hoạt, năng động nhằm mang lại các giá trị gia tăng cho khách hàng, tăng năng lực cạnh tranh cũng như đóng góp vào doanh thu/lợi nhuận của Công ty;
- Mặt khác, nhân sự được coi là tài sản có giá trị nhất của Công ty. Năm 2023, ngoài việc xây dựng đội ngũ nòng cốt, Khối Môi giới đẩy mạnh trong công tác đào tạo, quản trị con người, đề cao tính tuân thủ để đạt được mục tiêu phát triển bền vững thay vì lợi ích trong ngắn hạn
- Đánh giá đa chiều chất lượng nhân sự hiện hữu, triển khai tái cấu trúc hệ thống, đội ngũ nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của môi trường hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ mới trên thị trường và nhu cầu đa dạng của khách hàng.



HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

1. Kết quả hoạt động 2022

- Dư nợ và Doanh thu dịch vụ tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	2022 / 2021
Tổng dư nợ dịch vụ tài chính	3.067	4.543	-32,5%
Doanh thu dịch vụ tài chính	443,1	538,5	-17,7%

Thị trường chứng khoán năm 2022 chứng kiến đợt sụt giảm mạnh mẽ hơn 30% từ đỉnh. Thanh khoản thị trường cũng giảm so với năm 2021. Để ứng phó với tình hình đó, TVSI cũng đã thắt chặt hơn chính sách tín dụng. Doanh thu hoạt động tài chính đạt 443,112 tỷ đồng giảm 17,7 % so với cùng kỳ. Dư nợ cho vay tại thời điểm cuối năm 2022 đạt 3.067 tỷ đồng, giảm 32,5 % so với 2021. Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 17,4 % tổng doanh thu.

2. Kế hoạch 2023

Mục tiêu hoạt động: An toàn và hiệu quả trên vốn cho vay của TVSI.

Định hướng phát triển các sản phẩm chứng khoán, tài chính:

- Lấy lợi ích khách hàng làm trọng tâm: Coi khách hàng là yếu tố trọng tâm, xây dựng sự tin cậy của khách hàng với TVSI trên cơ sở quan tâm tới tính an toàn và hiệu quả tài sản của khách hàng.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ:
 - ✓ Cải thiện chất lượng dịch vụ, nâng cao tỷ lệ hài lòng thông qua việc rút ngắn thủ tục, quy trình, minh bạch thông tin.
 - ✓ Tiếp tục cải thiện bộ lọc với mục tiêu vừa đạt yêu cầu quản trị rủi ro vừa đạt được yếu tố thị trường.
 - ✓ Sản phẩm dịch vụ vừa đáp ứng được nhu cầu khách hàng vừa đáp ứng được hiệu quả và rủi ro.



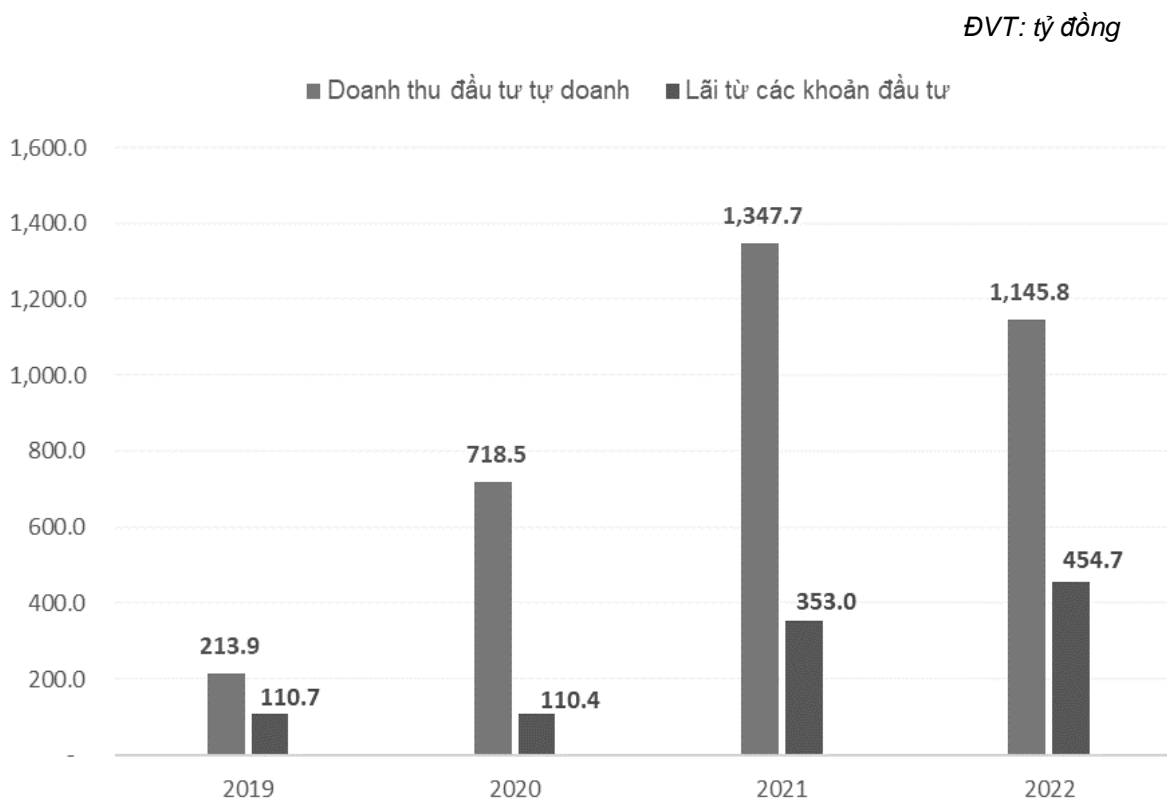
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỰ DOANH

1. Kết quả hoạt động năm 2022:

Như TVSI đã dự đoán, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua một năm 2022 đầy sóng gió khi VnIndex giảm trên 30%. Sự giảm điểm diễn ra gần như cả năm và càng mạnh lên vào quý III. Có lúc VnIndex đã giảm về dưới mức 1000 điểm. Đây là hệ quả của sự tác động từ nhiều yếu tố lên thị trường:

- Kết thúc năm 2021, thị trường có mức định giá cao, VnIndex gần ngưỡng 1500 điểm;
- Xu hướng lãi suất tăng;
- Giới đầu tư mất niềm tin, đặc biệt là từ thị trường trái phiếu;
- Kinh tế thế giới suy giảm và chưa có dấu hiệu sớm hồi phục;

Mặc dù vậy, hoạt động đầu tư tự doanh của TVSI vẫn có được kết quả đáng khích lệ. Kết thúc năm 2022, doanh thu từ hoạt động đầu tư đạt 1.145 tỷ đồng. Chênh lệch lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư đạt 454,7 tỷ đồng.



2. Định hướng hoạt động năm 2023:

Thị trường chứng khoán năm 2023 còn gặp nhiều trở ngại. Tuy nhiên, khi nhìn vào mức định giá thấp hiện tại của các cổ phiếu trên thị trường, thì đây là một thời điểm rất tốt cho việc tích lũy cổ phiếu đầu tư cho dài hạn. VnIndex đang có mức P/E và P/B ở ngưỡng thấp hiếm thấy trong 10 năm trở lại đây và chỉ cao hơn 1 chút so với lúc dịch Covid bắt đầu bùng phát năm 2020. Đây là thời điểm thuận lợi để TVSI sàng lọc, lựa chọn và tích lũy những khoản đầu tư dài hạn có tiềm năng.



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

1. Tình hình hoạt động năm 2022

Đối với Dịch vụ Tư vấn thị trường nợ: 09 tháng đầu năm 2022, Thị trường trái phiếu doanh nghiệp có phần trầm lắng so với sự phát triển sôi động trong năm 2021, Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư đã tập trung vào việc thực hiện kiểm soát sau phát hành đối với các gói Trái phiếu, đồng thời thực hiện tư vấn phát hành thành công 2.600 tỷ đồng cho nhiều Tổ chức phát hành. Tháng 10/2022, thị trường trái phiếu doanh nghiệp rơi vào khủng hoảng, TVSI ở trong tâm bão, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đã cùng các Bộ phận khác trong Công ty chung sức đồng lòng cùng xử lý khủng hoảng Trái phiếu dưới sự chỉ đạo của Ban Điều hành Công ty.

Đối với Dịch vụ Tư vấn thị trường vốn: Hoạt động dịch vụ tư vấn thị trường vốn trong năm 2022 đạt những dấu ấn nổi bật. Năm 2022, có 05 doanh nghiệp niêm yết thành công trên sàn HOSE, trong đó có Công ty CP Gỗ An Cường do TVSI thực hiện tư vấn. Đồng thời TVSI tư vấn thành công các dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước và các dịch vụ tư vấn khác.

Kết quả kinh doanh năm 2022 của Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ hoàn thành
1.	Doanh thu	104.348	37.433	35,87%
2.	Lợi nhuận	85.369	30.779	36,05%

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2023

- Đối với dịch vụ tư vấn thị trường nợ: Tập trung vào vai trò Đại diện Người sở hữu Trái phiếu để làm việc với Tổ chức phát hành và Người sở hữu Trái phiếu, phối hợp cùng các bên để hỗ trợ tháo gỡ các vướng mắc đối với Trái phiếu nhằm đảm bảo quyền lợi tối đa cho khách hàng.
- Đối với dịch vụ tư vấn thị trường vốn: Tăng cường các dịch vụ tư vấn thị trường vốn và các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp với mục tiêu đồng hành cùng doanh nghiệp phát triển lâu dài và đóng góp vào sự gia tăng giá trị doanh nghiệp.



1. Tình hình hoạt động năm 2022:

Sau 03 năm có tham gia vào thị trường bán lẻ, trực tiếp phân phối trái phiếu cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, trái phiếu doanh nghiệp của TVSI cũng đã đạt được những kết quả sau:

- Đội ngũ Nhân sự: TVSI đang có đội ngũ nhân sự ở cả 2 miền: Hà Nội và Hồ Chí Minh.
- Trong hơn 3 năm qua: TVSI có thêm 12,345 tài khoản mở mới
- Với tổng giá trị hiện tại là: 28,939 tỷ đồng.

Trong Quý 4/2022, khủng hoảng của thị trường trái phiếu doanh nghiệp và TVSI là tâm điểm đã ảnh hưởng rất lớn đến niềm tin và tâm lý của nhà đầu tư.

Kết thúc 2022, các hoạt động của Khối Kinh doanh Trái phiếu tập trung xử lý khủng hoảng và tiếp xúc, giải quyết các khiếu nại của khách hàng. Cụ thể như sau:

- Thực hiện xử lý các hợp đồng theo chính sách gia hạn cho các hợp đồng đến hạn.
- Trực tiếp và phối hợp với các đơn vị trong Công ty triển khai các kênh tiếp đón và giải đáp với khách hàng: tại trụ sở công ty/địa điểm riêng/kênh online.
- Liên tục cập nhật các thông tin về Tổ chức phát hành tới các nhóm Khách hàng: tiến độ thanh toán, kế hoạch mua lại trước hạn của các tổ chức phát hành.
- Phối hợp các phòng, ban chuyên môn xây dựng chính sách sản phẩm phù hợp, tránh thiệt hại cho nhà đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp.
- Phối hợp các đơn vị chuyên môn làm việc với các tổ chức phát hành xây dựng các phương án khả thi về lãi, gốc hợp đồng, gia hạn hợp đồng, mua lại trước hạn các lô trái phiếu... đảm bảo quyền lợi tối đa cho nhà đầu tư.
- Phối hợp các phòng, ban chuyên môn tiếp đón, làm việc với trường hợp khách hàng có khiếu kiện, yêu cầu gặp đại diện Công ty để hỗ trợ xử lý các hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cần được hỗ trợ khẩn cấp.
- Phối hợp với khách hàng và các cơ quan chức năng yêu cầu giải đáp, tháo gỡ khó khăn cho Trái phiếu doanh nghiệp.
- Tiến hành rà soát, đánh giá và điều chỉnh KPI của toàn bộ chuyên viên tư vấn trái phiếu (salebond).
- Đốc thúc các cán bộ phụ trách hoàn thiện hợp đồng mua bán, hồ sơ trái phiếu, hợp đồng mở tài khoản chưa hoàn thiện.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2023:

Trước ảnh hưởng hiện nay của vấn đề trái phiếu doanh nghiệp, niềm tin nhà đầu tư suy giảm kết hợp với thanh khoản dòng tiền trả nợ trái phiếu của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn đã khiến thị trường trái phiếu gia tăng rủi ro. Khối Kinh doanh trái phiếu xây dựng mục tiêu cho năm 2023 cùng với Ban Điều hành tiếp tục làm việc thật sát sao với các tổ chức phát hành để đảm bảo tiến độ mua lại đúng hạn/trước hạn các lô trái phiếu.



4

HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH - HỖ TRỢ

- Xây dựng và phát triển sản phẩm 33
- Dịch vụ chăm sóc khách hàng 35
- Công nghệ thông tin 37
- Quản trị nguồn nhân lực 38



XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM CHỨNG KHOÁN

1. Kết quả hoạt động năm 2022

Thị trường chứng khoán Việt Nam 2022 đã trải qua một năm đầy biến động, thăng trầm. Trước những ảnh hưởng bất lợi chung của nền kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, thị trường bước vào giai đoạn điều chỉnh giảm mạnh, thanh khoản sụt giảm mặc dù số lượng nhà đầu tư mở mới tài khoản chứng khoán gia tăng một cách kỷ lục. Trong năm 2022, đứng trước yêu cầu phải liên tục có các sản phẩm, chính sách để ứng xử kịp thời với những xu thế biến động của thị trường, tối ưu hóa hiệu quả đầu tư của khách hàng, chúng tôi chú trọng xây dựng các sản phẩm mang tính nâng cao tiện ích, đa dạng lựa chọn, đồng hành hỗ trợ nhà đầu tư trong từng giai đoạn thị trường điều chỉnh, cùng các chính sách linh hoạt hướng tới khách hàng là trung tâm...

Trong năm 2022 - Xây dựng nhiều sản phẩm cho nhiều phân khúc khách hàng

TVSI tập trung nghiên cứu, phát triển và đưa ra các sản phẩm, dịch vụ đa dạng tới nhiều tệp khách hàng khác nhau, đồng thời gia tăng nhiều tiện ích hỗ trợ trên các gói sản phẩm hiện có.

Quý I/2022:

- TVSI tập trung ra mắt các sản phẩm dành cho khách hàng tại các Chi nhánh và các ưu đãi khác.
- Ngoài ưu đãi về phí giao dịch, lãi vay, TVSI là đơn vị tiên phong trong việc tặng khách hàng trọn bộ các khóa học chứng khoán từ cơ bản đến nâng cao với các giảng viên giàu kinh nghiệm, nổi tiếng. Mong muốn của TVSI là tạo nên được môi trường kết nối cộng đồng các nhà đầu tư, chia sẻ, hỗ trợ kiến thức cho nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư F0 để có thể đưa quyết định đầu tư phù hợp, hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả. Chương trình được áp dụng xuyên suốt năm 2022 và không giới hạn số lượng khách hàng tham gia, kể cả các khách hàng không mở tài khoản chứng khoán tại TVSI.

Quý II/2022:

- Ra mắt sản phẩm TV Min/TV Zero dành riêng cho khách hàng inactive, hỗ trợ giao dịch với chi phí 0 đồng.

Quý III/2022:

- Ra mắt sản phẩm MF - M200 dành cho tất cả các khách hàng tại TVSI, đặc biệt phù hợp với tệp khách hàng chỉ có nhu cầu sử dụng dịch vụ tài chính ở ngưỡng an toàn, kiểm soát hạn mức vay ở mức thấp, lãi suất vay rẻ.
- Sản phẩm TV 10.9% là gói ưu đãi lãi vay dành cho khách hàng mở mới có sử dụng dịch vụ tài chính. Lãi suất cho vay chỉ 10.9%/năm, hạn mức cho vay của chương trình 2.000 nghìn tỷ đồng cao nhất trên thị trường tại thời điểm đó, không giới hạn hạn mức dư nợ ưu đãi với 1 khách hàng, danh mục cho vay đồng nhất tất cả các mã 50% là những quyền lợi, ưu đãi vượt trội khi khách hàng đăng ký gói sản phẩm này.

Quý IV/2022:

- Gói TV SAVE ưu đãi phí giao dịch 0.08% ưu đãi trong 3 tháng - là gói TVSI đưa ra nhằm đồng hành, hỗ trợ khách hàng tiết kiệm được chi phí giao dịch trong giai đoạn thị trường downtrend kéo dài.

Điều chỉnh các gói sản phẩm theo hướng đơn giản, phù hợp với thị trường và khách hàng:

Trong năm 2022, TVSI liên tục điều chỉnh các chính sách sản phẩm, cơ cấu lại, phân loại rõ từng gói dịch vụ nhằm đơn giản, thuận tiện trong việc tiếp cận, lựa chọn sản phẩm phù hợp với nhu cầu và khẩu vị đầu tư của khách hàng.

TVSI điều chỉnh khung biểu phí giao dịch chứng khoán cơ sở trên toàn hệ thống căn cứ theo phương thức giao dịch của khách hàng.



2. Kế hoạch hoạt động năm 2023

Năm 2023 được nhận định, toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức và biến động trên tất cả các lĩnh vực đời sống, kinh tế, chính trị, xã hội. TVSI đã, đang và sẽ tiếp tục hoàn thiện, xây dựng các sản phẩm, dịch vụ theo hướng chuyên biệt, cá nhân hóa, tối ưu hóa trải nghiệm và hiệu quả đầu tư của khách hàng thông qua các hoạt động:



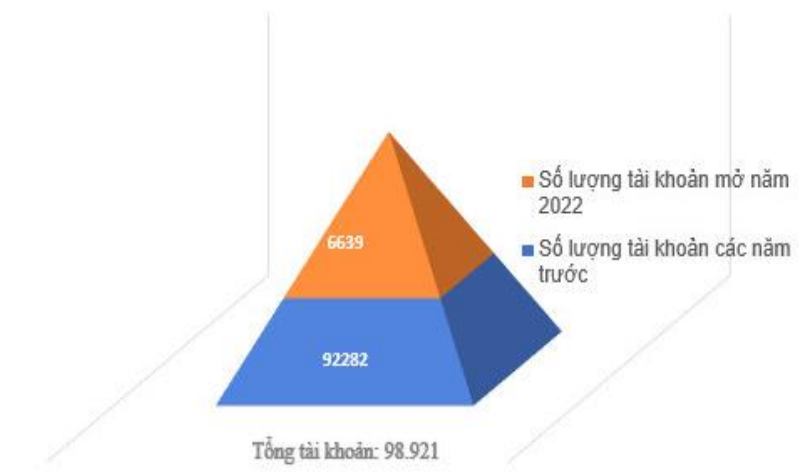
- Phân tích, nắm bắt kịp thời các xu hướng mới, cạnh tranh về sản phẩm của ngành; tác động của các quy định, chính sách pháp luật và các lĩnh vực liên quan; đồng thời phối hợp chặt chẽ với đề xuất các đơn vị kinh doanh để có thể đưa ra những sản phẩm/chính sách phù hợp, đúng thời điểm, nhu cầu.
- Đưa các sản phẩm/chính sách mang tính dài hạn, ổn định, cạnh tranh, gia tăng tiện ích cho khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận, sử dụng, tối ưu hóa chi phí và lợi nhuận trong quá trình giao dịch tại TVSI.
- Phối hợp, liên kết với các đối tác tài chính, dịch vụ uy tín, hướng tới hệ sinh thái dịch vụ tiện ích toàn diện.
- Chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, nhanh nhạy với thị trường từ nguồn nội bộ, tạo cơ hội phấn đấu cho người lao động phát huy thế mạnh, tận tâm cống hiến và gắn bó với Công ty.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

1. Các hoạt động Dịch vụ chứng khoán nổi bật 2022

Trong năm 2022 đối diện với các khó khăn thách thức, TVSI đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc và cung cấp dịch vụ tối ưu nhất tới khách hàng:

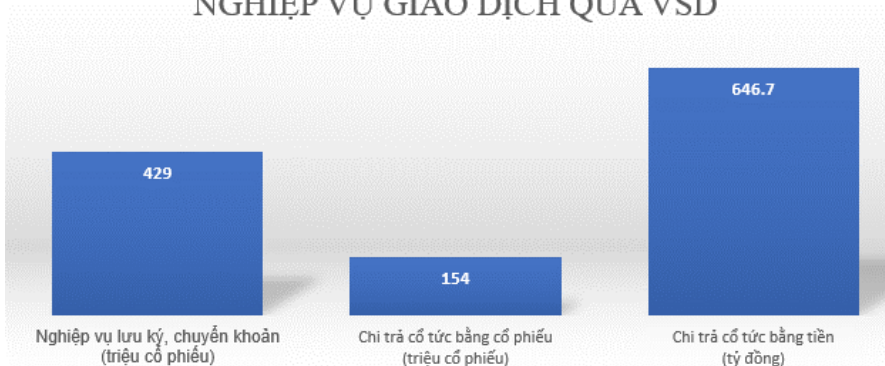
- **Tăng trưởng số lượng tài khoản quản lý:**



Số lượng tài khoản mở mới tuy có giảm nhưng vẫn đạt 6.639 tài khoản, nâng tổng số tài khoản chứng khoán TVSI quản lý lên gần 100.000 tài khoản. Số tài khoản khách hàng nước ngoài mở thành công trong năm là 89 tài khoản, chủ yếu là các khách hàng đến từ Hàn Quốc, Đài Loan.

- **Nghiệp vụ lưu ký và Nghiệp vụ thực hiện quyền hoạt động ổn định.** Tổng khối lượng cổ phiếu xử lý trong năm 2022 qua các nghiệp vụ với VSD như lưu ký, tắt toán, chuyển khoản đạt 429 triệu cổ phiếu. Số cổ tức cổ phiếu và cổ tức bằng tiền thực hiện chi trả cho khách hàng đạt lần lượt là 154 triệu cổ phiếu và 646,7 tỷ đồng. Số dư của khách hàng được đối chiếu thường xuyên đảm bảo an toàn và chính xác danh mục đầu tư của khách hàng, mọi thắc mắc phản hồi của khách hàng đều được tiếp nhận và xử lý nhanh gọn.

NGHIỆP VỤ GIAO DỊCH QUA VSD



- **Các phần mềm, dịch vụ được nâng cao tỷ lệ tự động hóa** nhằm giúp khách hàng quản lý thời gian tốt hơn tránh đi lại nhiều. Tỷ lệ tự động hóa hệ thống cao giúp nhân viên nghiệp vụ tiếp nhận và xử lý yêu cầu khách hàng nhanh chóng và chính xác. Với việc triển khai kênh chat FB/ Zalo, TVSI tiếp nhận và xử lý các phản hồi khách hàng tốt hơn.
- **Các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng, đào tạo mới nghiệp vụ liên tục được tổ chức** phù hợp với từng nhóm chuyên viên cứng, nhân viên mới.



DỊCH VỤ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

1. Kết quả hoạt động 2022:

Với định hướng đặt khách hàng là trọng tâm, TVSI luôn nỗ lực tìm kiếm các giải pháp nhằm gia tăng trải nghiệm khách hàng. Nắm bắt nhu cầu giao dịch nhanh, đơn giản và tiện lợi, trong năm 2022, TVSI đẩy mạnh nguồn lực các hoạt động số hóa quy trình vận hành để hỗ trợ Khách hàng.

Ra mắt trang hỗ trợ trực tuyến FAQ:

- Chuyên trang hỗ trợ tra cứu 24/7 hướng dẫn trực quan qua hình ảnh/video sử dụng các chức năng trên Web/App, tìm hiểu kiến thức về thị trường đảm bảo hỗ trợ cho nhà đầu tư mới và nhà đầu tư chuyên nghiệp trên thị trường chứng khoán.
- Với mỗi chủ đề chuyên biệt đi theo hành trình khách hàng, trang web đã cung cấp đầy đủ và đa dạng các kiến thức, thông tin giúp khách hàng dễ dàng tìm kiếm, tham khảo thông tin để chủ động thực hiện giao dịch mà không cần chờ đợi đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Cung cấp đa dạng gói dịch vụ chăm sóc tài khoản tùy theo nhu cầu khách hàng

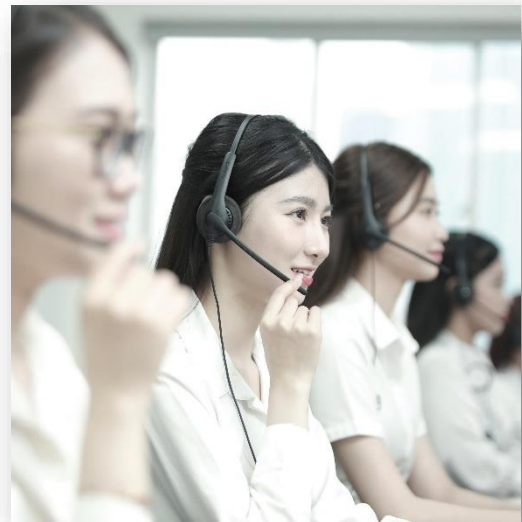
Từ năm 2022, ngay khi mở tài khoản tại TVSI, khách hàng đã hoàn toàn chủ động lựa chọn gói dịch vụ chăm sóc tài khoản theo nhu cầu đặt lệnh, tư vấn khuyến nghị giao dịch, hướng dẫn giao dịch, chủ động giao dịch. Đây là những bước đi đầu tiên trong con đường xây dựng dịch vụ định hướng lấy khách hàng là trung tâm của TVSI.

Mở rộng kênh xác thực trực tuyến

Hiểu rõ những vướng mắc khó khăn của khách hàng, TVSI đã mở rộng thêm kênh xác thực trực tuyến qua Video KYC và email nhằm giúp khách hàng tiết kiệm thời gian điều chỉnh thông tin cá nhân. Trong thời gian tới, TVSI tiếp tục các hoạt động trực tuyến hoá giúp nâng tầm trải nghiệm khách hàng.

Tiếp nhận phản hồi của khách hàng qua Kênh Zalo

Tại Việt Nam, Zalo là một trong những kênh liên hệ phổ biến trong thời gian gần đây. Nắm bắt được thói quen này, từ 2022, TVSI chính thức mở thêm kênh tiếp nhận. Chỉ cần 1 bước tìm kiếm: “**Chứng khoán Tân Việt**” trên Zalo, khách hàng đã có thể chat trực tuyến với nhân viên Dịch vụ Khách hàng, thay vì gọi điện lên tổng đài. Việc này đã giúp TVSI tạo thêm sự thiện cảm & gắn gũi với khách hàng.



2. Kế hoạch 2023

Kiên định với định hướng “**Lấy khách hàng là trung tâm**”, trong năm 2023, hoạt động Dịch vụ Khách hàng sẽ tập trung vào nền tảng giao dịch mới và hỗ trợ khách hàng giao dịch cũng như giải quyết các vấn đề liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp.





Xuyên suốt kế hoạch 5 năm 2021-2025, trong những năm qua, hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) của TVSI luôn được chú trọng quan tâm, đầu tư mạnh mẽ về hạ tầng và công nghệ ứng dụng.

Nối tiếp các dự án CNTT 2021, trong năm 2022 các dự án CNTT tiếp tục được triển khai và đã hoàn tất các dự án đầu tư về nâng cấp hạ tầng CNTT. Trong đó, hạ tầng phục vụ hệ thống Core giao dịch đã được đầu tư mới tăng gấp nhiều lần về năng lực xử lý; các hệ thống về máy chủ, network, security khác đều được đầu tư đảm bảo cập nhật công nghệ mới, tính dự phòng và mở rộng cho toàn bộ hệ thống.

Về ứng dụng phần mềm, TVSI phát triển và đưa vào vận hành ứng dụng giao dịch trực tuyến mới, đáp ứng yêu cầu về giao dịch trực tuyến theo Quy định, Thông tư 134 BTC về xác thực 2 yếu tố. Bên cạnh đó, Công ty luôn cải thiện và đưa ra nhiều sản phẩm, dịch vụ để phục vụ đối đa nhu cầu của khách hàng.

Song song với các hoạt động đầu tư, phát triển, TVSI chú trọng kiểm tra, rà soát, cập nhật các quy trình hiện tại, và bổ sung các quy trình, quy chế mới, phù hợp với thực tiễn hoạt động. Tập thể đội ngũ nhân viên CNTT đã nỗ lực không ngừng để vận hành linh hoạt, đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra liên tục.

Kế hoạch trong năm 2023, hệ thống CNTT ưu tiên hoàn thiện hơn về quy trình, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, hạn chế rủi ro, linh hoạt điều hướng sự biến động của thị trường chứng khoán. TVSI điều chỉnh tối ưu kiến trúc hạ tầng, nhằm đảm bảo sự ổn định và tin cậy của hệ thống, đồng thời tiến hành dịch chuyển toàn bộ hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ và hạ tầng CNTT lên Trung tâm dữ liệu, đảm bảo các tiêu chuẩn cao hơn.

Ngoài ra, TVSI sẵn sàng xây dựng và phát triển hệ thống core mới thích ứng hệ thống KRX của Sở giao dịch Chứng khoán, chuẩn bị cho các sản phẩm/dịch vụ tài chính mới sẵn sàng cung cấp cho khách hàng khi hệ thống lõi KRX mới của Sở chính thức đi vào hoạt động.





HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

1. Kết quả năm 2022:

Thực hiện hiệu quả chính sách lương thưởng, phúc lợi

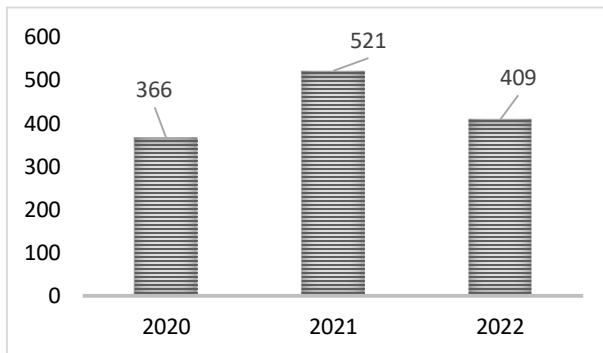
Trong bối cảnh khủng hoảng của thị trường chứng khoán ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động Công ty, đặc biệt từ tháng 10/2022, TVSI vẫn **duy trì chính sách lương thưởng, phúc lợi** nhằm tạo điều kiện tốt nhất có thể cho người lao động: Khuyến khích động viên lễ tết, khám sức khỏe định kỳ, chính sách bảo hiểm sức khỏe...

Tập trung đào tạo phát triển nhân sự từ Kỹ năng đến Chuyên môn

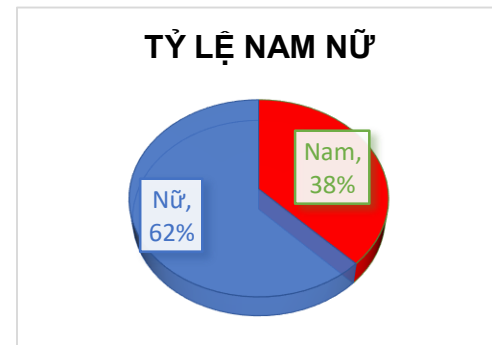
Công tác đào tạo nội bộ luôn được tiến hành thường xuyên liên tục để kiện toàn chất lượng bộ máy với đội ngũ giảng viên nội bộ tâm huyết từ các bộ phận nghiệp vụ. Song song đó là các giảng viên chuyên nghiệp đến từ tổ chức đào tạo lớn với các khóa học: Nhà lãnh đạo tạo động lực, Quản trị công ty, Nâng cao năng lực quản trị, Quản trị trải nghiệm khách hàng, Chứng chỉ bảo mật CEHV11(EC-Council Certified Ethical Hacker)...



Số lượng nhân sự ổn định qua các năm

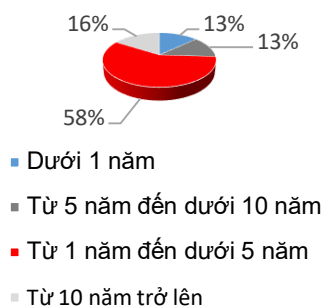


Cơ cấu nhân sự đa dạng

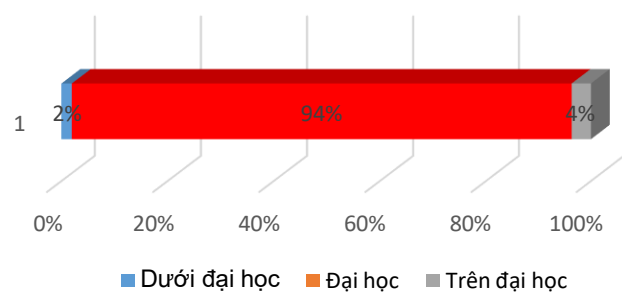


Kết quả của chính sách tuyển dụng và đào tạo của Công ty đã gây dựng được lượng nhân sự nòng cốt có thâm niên, kinh nghiệm chuyên môn cao và gắn bó với Công ty.

THÂM NIÊN CÔNG TÁC



TRÌNH ĐỘ NHÂN SỰ



2. Định hướng 2023

Năm 2022 khép lại với một bước ngoặt lớn có khó khăn có thách thức nhưng cũng có những cơ hội để tiến bước. TVSI sẽ tập trung cơ cấu nhân sự kiện toàn bộ máy, phát triển nhân tố nòng cốt quan trọng trong các Khối/Phòng/Ban là điểm ưu tiên đầu tiên của Ban điều hành TVSI.



5

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Báo cáo của Hội đồng quản trị 40
 Cơ cấu Hội đồng quản trị
 Báo cáo hoạt động 2022 - Kế hoạch 2023
- Báo cáo của Ban Kiểm soát 45
 Cơ cấu Ban Kiểm soát
 Báo cáo hoạt động 2022 - Kế hoạch 2023
- Hoạt động pháp chế và quản trị rủi ro 49



1. CƠ CẤU NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày thành lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tiến Thành - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc (thôi giữ chức vụ ngày 07/10/2022)

Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG – Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 07/10/2022)



*Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế Quốc dân
Kỹ sư tin học – Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Sofia, Bulgaria*

2022: Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT – CTCP Chứng khoán Tân Việt
2007: Phó tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT – CTCP Chứng khoán Tân Việt
2012: Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT
1997: Phó giám đốc Trung tâm tin học – Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 1.078.036

Ông Trần Việt Đức - Thành viên HĐQT độc lập



*Chuyên gia quản trị - Đại học Harvard, Hoa Kỳ
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Texas, Arlington, Hoa Kỳ
Cử nhân Luật kinh doanh - Đại học Xã hội và Nhân văn
Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế Quốc dân*

2018: Thành viên HĐQT độc lập – CTCP Chứng khoán Tân Việt
2004: Giám đốc Quỹ đầu tư IDG Ventures Vietnam
2001: Phó Giám đốc Công ty Kiểm toán Việt Nam
1998: Trợ giảng Đại học Texas, Arlington, Hoa Kỳ
1996: Kiểm toán viên Công ty Deloitte & Touch, Hoa Kỳ
1992: Phó phòng Công ty Kiểm toán Việt Nam

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 0



Ông LÊ THANH TÙNG – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc



*Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – CT Cao học Việt Bỉ – ĐH Kinh tế Quốc dân
Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Học viện Ngân hàng
Cử nhân Ngoại ngữ – ĐH Ngoại ngữ – ĐH Quốc gia*

2018: Thành viên HĐQT – CTCP Chứng khoán Tân Việt

2017: Phó tổng giám đốc – CTCP Chứng khoán Tân Việt

2017: Giám đốc tài chính/Kế toán trưởng – CTCP Chứng khoán Tân Việt

2005: Trưởng phòng Kế toán Tài chính – CN NH TMCP Ngoại thương Việt Nam

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 226.581

Bà BÙI THỊ THANH HIỀN – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng



*Cử nhân kế toán kiểm toán – Đại học Kinh tế Quốc dân
Cử nhân luật kinh tế – Đại học Luật Hà Nội*

2019: Thành viên HĐQT – CTCP Chứng khoán Tân Việt

2019: Phó tổng giám đốc – CTCP Chứng khoán Tân Việt

2017: Kế toán trưởng – CTCP Chứng khoán Tân Việt

2017: Trưởng phòng kế toán – CTCP Chứng khoán Tân Việt

2013: Phó phòng kế toán – CTCP Chứng khoán Tân Việt

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 6.565.259

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ báo cáo và đến ngày thành lập báo cáo này:

- Ông Nguyễn Tiến Thành – Tổng giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 15/01/2016, thôi giữ chức vụ từ ngày 07/10/2022)
- Ông Nguyễn Việt Cường – Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 07/10/2022).

Năm 2022, HĐQT có sự thay đổi nhân sự trong năm vì sự qua đời đột ngột của ông Nguyễn Tiến Thành – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty. Ngày 07/10/2022, HĐQT đã họp và bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc mới đối với ông Nguyễn Việt Cường. Hoạt động định kỳ HĐQT thực hiện 25 cuộc họp và lấy ý kiến thành viên, ban hành các Nghị quyết thông qua nhiều chủ trương quan trọng đối với hoạt động của Công ty như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm 2022;
- Lựa chọn VACO là đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022;



- Thông qua các chủ trương phương án đầu tư trái phiếu doanh nghiệp có uy tín, chất lượng nhằm quản trị tốt rủi ro và tối đa hóa nguồn doanh thu cho Công ty;
- Bầu Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Việt Cường;
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường trong năm 2022;

Quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT của Ban điều hành được HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát. Song song với đó, các hoạt động điều hành khác của Ban điều hành cũng được HĐQT quan tâm định hướng, và theo dõi sát sao bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Luật chứng khoán và Luật doanh nghiệp.

2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

1. Đánh giá về hoạt động của Ban điều hành (BDH)

HĐQT tiếp tục ghi nhận, đánh giá cao công tác điều hành hoạt động trong năm 2022 của BDH với nhiều bứt phá trong kết quả kinh doanh đến hết quý 3 năm 2022 cũng như năng lực điều hành, quản trị Công ty và nỗ lực giải quyết các vấn đề trong giai đoạn khủng hoảng.

- Năm 2022 là một năm biến động đầy tiêu cực trên thị trường chứng khoán, đặc biệt TVSI nằm trong tâm bão. Đảm bảo hoạt động kinh doanh thông suốt, BDH đã tích cực liên hệ, làm việc phối hợp với HĐQT đưa ra những chỉ đạo quyết liệt, kịp thời tập trung đưa ra các phương án ứng phó trong giai đoạn khủng hoảng.
- BDH đã thực hiện đúng thẩm quyền, được phân công, phân nhiệm rõ ràng, thực hiện cải tổ tích cực cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý, điều hành.
- Các Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT ban hành trong năm 2022 đã được BDH tổ chức thực hiện triển khai nghiêm túc, đầy đủ.
- Bên cạnh đó, BDH vẫn tiếp tục chú trọng tính minh bạch trong các hoạt động kinh doanh và quản trị Công ty đảm bảo lợi ích của khách hàng, cổ đông với mục tiêu phát triển Công ty bền vững và tăng cường niềm tin của khách hàng. Với mục tiêu này, các hoạt động quản trị rủi ro, kiểm tra kiểm soát nội bộ thường xuyên được thực hiện định kỳ và đột xuất; nghĩa vụ công bố thông tin được thực hiện kịp thời, đầy đủ, rõ ràng, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật liên quan.

2. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2022

Năm 2022 là một năm nhiều biến động, xu hướng giảm của chứng khoán không được dự báo trước, Công ty phải đối mặt với khủng hoảng lớn. Kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn gặp những khó khăn thách thức. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 có đến 7/12 tháng giảm điểm với mức giảm rất lớn lên đến 32,8% so với mức giá trị cuối năm 2021, nếu so với giá trị cao nhất đạt được trong năm 2022 thì mức giảm lên đến 34,6%. Trước những khó khăn bất lợi đó, BDH và toàn thể đội ngũ nhân viên Công ty đã nỗ lực không ngừng nghỉ để đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra liên tục, đáp ứng đúng quy định.

a. Kết quả hoạt động kinh doanh:

Trong một năm biến động tiêu cực của thị trường, cũng như các biến cố của Công ty, hoạt động kinh doanh của Công ty đã không thể hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Doanh thu hoạt động 2022 đạt 2.552 tỷ đồng, giảm 24% so với năm 2021 (-808 tỷ đồng) và hoàn thành 102,7% kế hoạch năm 2022. Lợi nhuận trước thuế đạt 494,48 tỷ đồng, giảm hơn 32% so với năm 2021 (733,87 tỷ đồng). Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế 2022 giảm 33,8% (-198,6 tỷ đồng) so với năm 2021. Nguyên nhân biến động là do tỷ lệ giảm của doanh thu lớn hơn mức giảm của chi phí.
- Tập trung xử lý khủng hoảng từ tháng 10/2022, Công ty sắp xếp cơ cấu lại các đơn vị kinh doanh bằng việc đóng, sáp nhập chi nhánh. Các hoạt động kinh doanh của Công ty có biến động: Hoạt động môi giới chứng khoán, hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, hoạt động lưu ký chứng khoán giảm lần lượt là 40,09% (-367 tỷ đồng) 73,33% (-113,8 tỷ đồng), 8,05% (-44 tỷ đồng) so với 2021, hoạt động tư vấn tài chính tăng xấp xỉ 30% so với 2021.



b. Quản trị

- Sửa đổi cơ cấu tổ chức với mục tiêu tinh gọn, chuyên biệt hóa các chức năng, nâng cao hiệu quả vận hành trong các phòng ban/đơn vị; đồng thời đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh, đưa ra nhiều sản phẩm, dịch vụ để phục vụ tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Liên tục kiểm tra, rà soát, cập nhật các quy trình hiện tại, và bổ sung các quy trình, quy chế mới, phù hợp với thực tiễn hoạt động, tập trung chú trọng tính chuyên nghiệp trong quá trình tương tác nội bộ giữa các phòng ban cũng như các khách hàng.
- Công tác quản trị rủi ro luôn được chú trọng và thực hiện định kỳ; các đợt kiểm tra, rà soát nội bộ thường xuyên được triển khai nhằm phát hiện sớm các rủi ro trọng yếu để khắc phục kịp thời và phòng ngừa trước khả năng xảy ra.
- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của TVSI trong năm ở mức an toàn, trên 375% vượt ngưỡng 180% theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- TVSI thực hiện nộp phạt vi phạm hành chính về thuế.
- nỗ lực giải quyết khủng hoảng đặc biệt là hoạt động kinh doanh.

3. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Kết thúc một năm nhiều biến động của thị trường chứng khoán, chỉ số Vnindex đóng cửa ở mức 1.007,09 điểm. Tính cả năm, chỉ số Vnindex giảm 32,8% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu của sự sụt giảm trên thị trường cổ phiếu là sự kết hợp của: lượng margin sử dụng cao kỷ lục, định giá thị trường đầu năm ở mức cao, khủng hoảng niềm tin từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp, lãi suất tăng cao do chính sách chống lạm phát và hỗ trợ tỷ giá của NHNN và triển vọng kinh tế thế giới năm 2023 không mấy sáng sủa.

HĐQT nhận định được những khó khăn của thị trường chứng khoán và đặt ra mục tiêu kinh doanh thận trọng cho năm 2023: **“Tập trung giải quyết vấn đề về trái phiếu song song với duy trì hoạt động môi giới cơ sở”**.

Định hướng cụ thể cho năm 2023 như sau:

- **Tập trung phát triển hoạt động kinh doanh chứng khoán** với định hướng phát triển bền vững, tiếp tục giữ vững và gia tăng thị phần kinh doanh chứng khoán. Tiếp tục thực hiện mục tiêu cung cấp đa dạng, toàn diện các sản phẩm dịch vụ nhằm phục vụ tối đa các nhu cầu đầu tư của khách hàng.
- **Tích cực trong việc cung cấp thông tin/kiến thức** về thị trường chứng khoán tới nhà đầu tư mới tham gia thị trường, hướng tới sự phát triển lành mạnh, dài hạn và ổn định của thị trường.
- **Tiếp tục đầu tư mạnh mẽ, đồng bộ cho mảng công nghệ thông tin** để CNTT thực sự là trụ cột, là bộ phận, nhằm đảm bảo ổn định hệ thống, mở ra các sản phẩm, tính năng hệ thống mới, các nền tảng mới, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng. Điều này cũng giúp tăng tỷ lệ tự động hóa, số hóa, tăng năng suất lao động trong công việc của các khối Vận hành, Hỗ trợ, giảm thiểu sai sót, rủi ro trong vận hành, nâng cao năng lực giám sát, quản trị, kiểm soát sau...
- **Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ:** Liên tục hệ thống hóa, chuẩn hóa và đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ và đặt khách hàng làm trọng tâm, để mang lại các sản phẩm dịch vụ mới cũng như trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.
- **Chú trọng công tác quản trị rủi ro**, triển khai các chương trình chăm sóc khách hàng trung thành, liên kết với các đối tác trong lĩnh vực thanh toán, tài chính để cung cấp tiện ích đa dạng cho khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- **Phân bổ nguồn nhân lực** phù hợp cho kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ và giai đoạn phát triển của thị trường chứng khoán.
- **Đầu tư cho cơ sở vật chất**, giải quyết nút thắt về mặt bằng văn phòng trong ngắn hạn và có định hướng cho dài hạn, đảm bảo mục tiêu hoạt động phát triển bền vững.



I. CƠ CẤU HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) của TVSI gồm 3 thành viên: 01 trưởng ban, 02 thành viên. Ngày 29/08/2022, Ông Trần Hữu Thành nộp đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên BKS vì lý do cá nhân. Ngày 01/12/2022, tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên BKS đối với ông Trần Hữu Thành theo đơn từ nhiệm và bầu Ông Trần Duy Hưng giữ chức vụ Thành viên BKS nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Bà NGUYỄN THỊ HÀ – Trưởng ban



Cử nhân Tài chính Kế toán - Đại học Thương Mại

Phó Giám đốc khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư CTCP Chứng Khoán Tân Việt (2008 – nay)

Phụ trách CN Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán S&S – CN. Hà Nội (2005 – 2008)

Kế toán trưởng CT CP Thiết bị Thực phẩm – CN. Hà Nội (2002 – 2005)

Kế toán trưởng CT TNHH Sơn Hà (2000 – 2002)

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 62.500 cổ phần.

Bà ĐỖ NGỌC HOÀNG YẾN - Thành viên



Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế TP. HCM

Cử nhân Tài chính Tín dụng - Đại học Ngân hàng TP. HCM

2009: Phó phòng Dịch vụ Chứng khoán CN.HCM – CTCP Chứng khoán Tân Việt

20007: Chuyên viên Dịch vụ Chứng khoán CN.HCM - CTCP Chứng khoán Tân Việt

2006: Chuyên viên kế toán - Ngân hàng TMCP Sài Gòn

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 7,645 cổ phần.

Ông TRẦN DUY HƯNG – Thành viên



Cử nhân Pháp luật kinh tế - Đại học Luật Hà Nội

2022: Thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư cổ phiếu triển vọng Tân Việt

2020: Phó phòng Pháp chế - Công ty CPCK Tân Việt

2019: Phụ trách Pháp chế - Công ty CPCK Trí Việt

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 0 cổ phần.



Hoạt động của BKS thực hiện theo quy định của điều lệ TVSI, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, Kế hoạch hoạt động BKS năm 2022 và tuân thủ theo pháp luật.

Các hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện trong năm 2022 như sau:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Quyết định của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Tổng giám đốc trong năm 2022;
- Giám sát HĐQT, Ban Điều Hành trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc lập các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2022.

Các cuộc họp của BKS trong kỳ:

BKS đã tổ chức 06 cuộc họp với sự tham gia của các thành viên trong BKS.

Thời gian	Nội dung	Kết quả
Tháng 4/2023	Thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính Quý I/2022	Thông nhất thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính Quý I/2022
Tháng 8/2022	Thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2022 (đã được soát xét) Đánh giá việc thực hiện các NQ HĐQT 6 tháng đầu năm 2022	Thông nhất thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2022 (đã được soát xét). Thông nhất thông qua báo cáo đánh giá theo BB họp.
Tháng 10/2022	Đánh giá việc thực hiện các NQ HĐQT 9 tháng đầu năm 2022; Xem xét sơ bộ báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính Q3/2022	Thông nhất thông qua báo cáo đánh giá theo BB họp.
Tháng 11/2022	Đề cử nhân sự tham gia ứng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027	Thông nhất nhân sự tham gia ứng cử thành viên BKS theo BB họp
Tháng 02/2023	Đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2022 theo NQ ĐHĐCĐ. Thẩm định Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2022 chưa kiểm toán	Thông nhất thông qua báo cáo đánh giá theo BB họp.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT

- Trong kỳ báo cáo, HĐQT thực hiện các cuộc họp và lấy ý kiến theo đúng trình tự và quy định của pháp luật. Các nội dung phù hợp với nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT theo Quy chế, Điều lệ của TVSI;
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo triển khai kịp thời Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc ban hành Nghị quyết, Quyết định và nhiều chủ trương để Ban Điều Hành (BDH) triển khai thực hiện. Đặc biệt ngay sau khi xảy ra khủng hoảng, biến cố, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế Bộ máy điều hành trong giai đoạn khủng hoảng để đưa ra các nguyên tắc cho BDH kịp thời giải quyết các công việc cấp bách, khẩn cấp cần phải xử lý lập tức. Đồng thời, Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp để đảm bảo tối đa quyền lợi của nhà đầu tư trái phiếu trong giai đoạn khủng hoảng. Ban kiểm soát đánh giá các hoạt động trên của Hội đồng quản trị, Ban điều hành là cần thiết và kịp thời để giải quyết những khó khăn trong giai đoạn khủng hoảng của Công ty, đảm bảo quyền lợi chính đáng của nhà đầu tư trái phiếu.



- Các Nghị quyết/ Quyết định được ban hành đều thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT;
- Các thành viên HĐQT tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đồng thời không có xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT với lợi ích của Công ty.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Điều Hành

- Ban Điều Hành đã thực hiện theo đúng nhiệm vụ, thẩm quyền được phân công, phân cấp. Các thành viên Ban Điều Hành tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật, Quy chế và Điều lệ Công ty;
- BDH đã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Đồng thời giám sát và chỉ đạo kịp thời các đơn vị kinh doanh, các phòng ban để hoàn thành kế hoạch kinh doanh;
- Trước những biến cố của Công ty, BDH đã có những báo cáo kịp thời và phối hợp với HĐQT để đưa ra những chỉ đạo quyết liệt. Đồng thời xây dựng các phương án ứng phó linh hoạt kịp thời để khắc phục những khó khăn của Công ty trong giai đoạn hiện nay. Chỉ đạo, giám sát các phòng ban chức năng nghiêm túc thực hiện các Quyết định của BDH;
- BDH không có xung đột lợi ích với HĐQT và với lợi ích của Công ty.

3. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và BDH

BKS đã được HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị của Công ty. Đồng thời, BKS thường xuyên trao đổi với HĐQT và BDH về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, các Nghị quyết đã được ĐHCĐ thông qua năm 2022 và đặc biệt các phương án ứng phó để khắc phục những biến cố xảy ra đối với Công ty trong Quý IV/2022.

4. Thẩm định Báo cáo tài chính

- Việc tổ chức công tác kế toán đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành;
- Trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát việc lập các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính soát xét bán niên 2022, báo cáo tài chính năm 2022, BKS chưa phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính, kế toán thống kê trong kỳ. BKS đánh giá các báo cáo tài chính đã đảm bảo tính tuân thủ đối với các quy định hiện hành về nội dung và thời gian lập báo cáo. Công ty đã công bố đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính quý, bán niên 2022 và báo cáo tài chính năm 2022.
- Hiệu quả hoạt động của Công ty đã được phản ánh trên Báo cáo tài chính năm 2022 chưa được kiểm toán: tổng doanh thu năm 2022 đạt 2.552,3 tỷ đồng, giảm 24% so với năm 2021; Lợi nhuận sau thuế đạt 389,1 tỷ đồng, giảm 33,8% so với năm 2021.
- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng trong kỳ báo cáo của Công ty duy trì ở mức cao.

5. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và Nghị quyết ĐHCĐ năm 2022

🔗 Kết quả kinh doanh năm 2022:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2022	TH 2022	So sánh TH/KH	
			Giá trị	%
Doanh thu (Doanh thu hoạt động và thu nhập khác)	2.484,0	2.552,3	68,3	102,7
Chi phí (Tổng chi phí và chi phí khác)	1.780,1	2.057,8	277,7	115,6
Lợi nhuận trước thuế	703,9	494,5	-209,4	70,3
Lợi nhuận sau thuế	563,1	389,1	-174	69,1



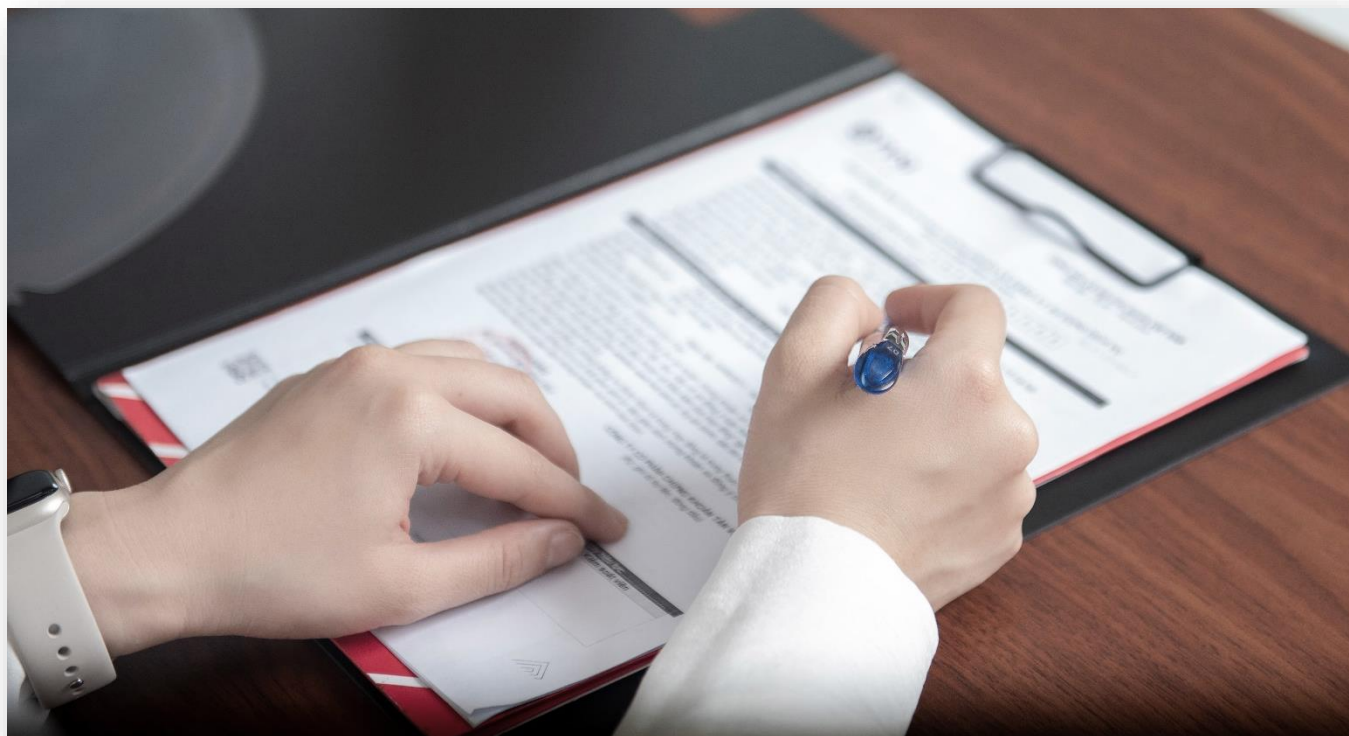
🔗 **Đánh giá:** Với những biến động tiêu cực của thị trường chứng khoán, chỉ số VN-Index đã liên tục lao dốc trong năm 2022, thị trường trái phiếu doanh nghiệp đóng băng, Công ty phải đối mặt với khủng hoảng lớn từ tháng 10 năm 2022. Trước những biến cố đầy bất lợi, HĐQT, BDH, cùng toàn thể đội ngũ nhân viên của Công ty đã nỗ lực hết sức để hoạt động kinh doanh được diễn ra liên tục. Do vậy, kết quả hoạt động kinh doanh của TVSI trong năm 2022 đã không hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, cụ thể: Doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 2.552,3 tỷ đồng, tăng 2,7% so với kế hoạch và giảm 24% so với thực hiện năm 2021; lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 389,1 tỷ đồng, đạt 69,1% % so với kế hoạch và giảm 33,8% so với thực hiện năm 2021.

Hiện Công ty có 8 chi nhánh trên toàn quốc.

III. TRỌNG TÂM KẾ HOẠCH CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của BKS, BKS xác định trọng tâm hoạt động trong năm 2023 như sau:

- 🔗 Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và điều lệ trong việc quản trị, điều hành Công ty.
- 🔗 Giám sát HĐQT và BDH Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- 🔗 Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023.
- 🔗 Phối hợp nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ năm 2023.
- 🔗 Thẩm định, giám sát quá trình lập và kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2023. Rà soát các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
- 🔗 Kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty.





TỔNG QUAN TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2022

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam khép lại năm 2022 với những gam màu tích cực và tiêu cực. Có nhiều yếu tố khách quan nằm ngoài sự kiểm soát của các chủ thể trên thị trường nhưng cũng có những yếu tố chủ quan hoàn toàn có thể điều chỉnh để giảm bớt rủi ro cho thị trường

Ở khía cạnh tích cực, sự tăng trưởng mạnh mẽ về số lượng nhà đầu tư mới cũng như một số đổi mới về cơ chế vận hành giao dịch của thị trường là những “đấu son” đậm nét. Ngoài việc tăng trưởng về số lượng nhà đầu tư, việc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) chính thức rút ngắn thời gian thanh toán giao dịch chứng khoán về T+2 kể từ ngày 29-8-2022 cũng là một điểm nhấn đáng chú ý. Đây được coi là bước đột phá trong chu kỳ thanh toán của TTCK Việt Nam và cũng là một trong những mục tiêu cho việc nâng hạng thị trường. Việc rút ngắn chu kỳ thanh toán được kỳ vọng sẽ góp phần vào việc tăng thanh khoản, cũng như tăng mức độ hấp dẫn cho TTCK Việt Nam

Sau giai đoạn 2020-2021 thăng hoa, chỉ số VN-Index đã liên tục lao dốc không phanh kể từ giữa quý 2-2022. Đà giảm của VN-Index được lý giải bởi nhiều nguyên nhân như căng thẳng địa chính trị Nga – Ukraine; lạm phát tăng cao trên toàn cầu; các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới (điển hình là Cục Dự trữ liên bang Mỹ – Fed) thắt chặt chính sách tiền tệ, ngừng bơm tiền vào nền kinh tế... Trong khi đó, ở trong nước, thị trường liên tục gặp những thông tin tiêu cực đến từ phía các tập đoàn đã ảnh hưởng không nhỏ tới tâm lý các nhà đầu tư cá nhân – bộ phận chiếm đến 90% cơ cấu nhà đầu tư trên TTCK và cơ quan quản lý cũng đã “mạnh tay” hơn trong việc xử lý các sai phạm trên TTCK. Cùng với đó, xu hướng lãi suất tăng, thắt chặt tín dụng đối với các phân khúc cho vay rủi ro cao, bao gồm đầu tư bất động sản, chứng khoán và niềm tin trên thị trường TPDN sụt giảm là các nguyên nhân chủ chốt khiến sức cầu trên thị trường ngày càng giảm mạnh.



Trong thời gian vừa qua, các công ty chứng khoán trong đó có TVSI cũng đã đối mặt với nhiều rủi ro từ hoạt động liên quan đến yếu tố dịch bệnh, các tác động tiêu cực và khó khăn của kinh tế thế giới và Việt Nam đặc biệt các thông tin liên quan đến thị trường Trái phiếu. Tuy nhiên, với đội ngũ nhân sự mạnh, có chiến lược rõ ràng từ Ban Điều hành, các kịch bản hoạt động phù hợp với thực tế và tiên lượng những rủi ro liên tục được đưa ra cùng với hệ thống chính sách và quy trình tiếp tục được cập nhật; bổ sung các yếu tố về quản trị rủi ro nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn và mục tiêu kinh doanh của công ty.



Hoạt động quản trị rủi ro ở TVSI được thực hiện theo mô hình “ba tuyến phòng thủ”. Theo đó, mỗi tuyến phòng thủ đều có vai trò cụ thể, trách nhiệm rõ ràng và đều có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, minh bạch. Hoạt động của bộ phận Quản trị Rủi ro luôn đảm bảo tính độc lập, đồng thời có trách nhiệm báo cáo và giải trình với Ban Điều hành kịp thời.

1. Lớp phòng thủ thứ nhất

🔗 Các đơn vị kinh doanh và vận hành nghiệp vụ:

- Tuyến phòng thủ đầu tiên trong quá trình kinh doanh và vận hành hoạt động của Công ty, đối diện trực tiếp với các rủi ro phát sinh.
- Các đơn vị kinh doanh, bộ phận vận hành hoạt động và tìm kiếm cơ hội kinh doanh phù hợp trong khuôn khổ các yêu cầu về quản trị rủi ro cần được tuân thủ tại Công ty.
- Có trách nhiệm báo cáo các rủi ro phải đối mặt của bộ phận khi hoạt động đến các tuyến phòng thủ sau, phối hợp đề xuất cải tiến nhằm nâng cao khả năng phòng thủ của tuyến này.

2. Lớp phòng thủ thứ hai

🔗 Phòng quản trị rủi ro:

- Hoạt động tập trung và độc lập, có trách nhiệm tổng hợp, giám sát, đề xuất các hoạt động quản trị rủi ro phù hợp với tình hình hoạt động thực tế và định hướng của Công ty.
- Hỗ trợ lớp phòng thủ thứ nhất thông qua việc xác lập các hạn mức, tiêu chuẩn nhằm quản trị rủi ro và kiểm soát hiệu quả.
- Xây dựng các công cụ, mô hình và các kịch bản hỗ trợ, nâng cao hiệu quả cho lớp phòng thủ đầu tiên.
- Đào tạo về nhận thức rủi ro đối với các đơn vị kinh doanh, các phòng vận hành.

3. Lớp phòng thủ thứ ba

🔗 Bộ phận kiểm toán, kiểm soát nội bộ:

- Hiện nay, với sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường, sự phát triển mạnh của ngành chứng khoán, hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ ngày càng được quan tâm nhiều hơn nhằm hạn chế các sự cố, thiệt hại và tăng hiệu quả hoạt động của Công ty. Kiểm soát nội bộ được tiếp cận theo phương pháp chủ động và nâng cao năng lực chuyên môn để có những chiến lược, phương pháp vận hành hiệu quả nhất thay vì ngược lại là thụ động, không phát triển được năng lực bản thân.
- Năm 2022 thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận những kỷ lục về số lượng nhà đầu tư mới tham gia và cũng ghi nhận những biến động khó lường, đầy cảm xúc của nhiều cổ phiếu. Chính những biến động đó đã phát sinh các rủi ro cần được theo dõi và giải quyết triệt để, tránh những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của Công ty.
- Bộ phận Kiểm soát nội bộ đóng vai trò như một lớp phòng thủ thứ ba, lớp phòng thủ này đã theo dõi và đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách, quy chế và quy trình nội bộ. Đề xuất hướng xử lý đối với các vi phạm trong nội bộ Công ty. Thực hiện các công việc khác liên quan đến kiểm soát tuân thủ, kiểm toán nội bộ Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy chế nội bộ. Đồng thời, đưa ra các báo cáo độc lập về công tác hoạt động, quản trị rủi ro tại tuyến phòng thủ đầu tiên.
- Công tác giám sát và phòng ngừa rủi ro được ưu tiên thực hiện bởi các bộ phận nghiệp vụ, các bộ phận kinh doanh được đánh giá là nơi phát sinh rủi ro, bên cạnh đó có sự giám sát, hướng dẫn của các bộ phận độc lập như Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ và cuối cùng là Kiểm toán nội bộ.
- Trong năm 2022, bộ phận Kiểm soát nội bộ đã phối hợp với các phòng ban thực hiện các chuyên đề kiểm tra theo kế hoạch. Kết quả các đợt kiểm tra là Báo cáo kết quả kiểm tra, trong đó đưa ra được những điểm mạnh và tồn tại trong đơn vị, đưa ra các đề xuất mang tính trọng điểm giúp các bộ phận hoạt động hiệu quả và tuân thủ hơn.



- Bên cạnh đó việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy định nội bộ cũng được thực hiện định kỳ, đảm bảo các văn bản phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ, làm căn cứ để bộ phận Kiểm soát nội bộ thực hiện rà soát tính tuân thủ.

I. Quy trình quản trị rủi ro tại TVSI

1. Xác định rủi ro

TVSI xác định các rủi ro dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu quá khứ và tiềm ẩn xảy ra trong tương lai. Các phòng/ ban/ bộ phận trong Công ty đều có trách nhiệm nhận diện rủi ro, gửi các thông tin định kỳ đến Phòng Quản trị Rủi ro để tổng hợp, phân tích. Dữ liệu đầu vào để xác định rủi ro bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu về các rủi ro trong kinh doanh đã xảy ra, đã được nhận diện và các rủi ro đã được báo cáo, phát hiện dựa trên các hoạt động Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán Nội bộ, và Kiểm toán Độc lập. Dựa trên các dữ liệu này, Công ty có thể đánh giá và dự đoán các rủi ro có xu hướng/khả năng xảy ra trong tương lai.
- Những thay đổi trong chiến lược kinh doanh, trong quy trình vận hành cũng như việc phát triển các sản phẩm mới của Công ty.
- Những khuyến cáo của Cơ quan Quản lý Nhà nước, Kiểm toán Độc lập, Kiểm toán Nội bộ, Kiểm soát Nội bộ.
- Thay đổi về chính sách và pháp luật.
- Các yếu tố khách quan ảnh hưởng chung đến kinh tế như thiên tai, dịch bệnh,...

2. Đo lường rủi ro

TVSI sử dụng phương pháp định tính và định lượng cho từng loại rủi ro cụ thể. Với mỗi phương pháp đều được trao đổi cụ thể với bộ phận xử lý nghiệp vụ liên quan nhằm xác định rõ tính hiệu quả và ý nghĩa. Với các phương pháp khác nhau, TVSI đều có những quy chuẩn cụ thể:

- Phương pháp định tính được đo lường và thể hiện thông qua các số liệu cụ thể hoặc tỷ lệ %. Công thức, cách thức đo lường đều được mô tả chi tiết trong tài liệu nghiệp vụ của Phòng Quản trị Rủi ro và được trao đổi thống nhất với các bộ phận liên quan trước khi đưa vào áp dụng.
- Phương pháp định tính được đo lường bằng việc đánh giá, phân loại rủi ro theo các mức độ nghiêm trọng hoặc tần suất xảy ra. Với các cấp độ cảnh báo khác nhau, Phòng Quản trị Rủi ro sẽ theo dõi hoặc cảnh báo đến các bộ phận liên quan tìm phương án xử lý.
- Công ty ưu tiên áp dụng các mô hình để lượng hóa rủi ro. Các mô hình được TVSI xây dựng dựa trên các thông lệ quốc tế được Công ty điều chỉnh dựa trên hoạt động kinh doanh thực tế hoặc các mô hình được tìm hiểu phát triển dựa trên văn bản hướng dẫn của các Cơ quan Quản lý Nhà nước.

3. Xác định hạn mức rủi ro

Nhằm đảm bảo rủi ro được giới hạn ở mức thấp nhất, mức có thể chấp nhận được cũng như để nâng cao hiệu quả hoạt động của giám sát rủi ro, Công ty đã xây dựng bộ chỉ báo rủi ro cùng hạn mức cho các rủi ro trọng yếu.

Hạn mức rủi ro được xác định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Trong đó, ưu tiên sử dụng phương pháp định lượng.

Hạn mức cho từng loại rủi ro được xác định dựa trên:

- Dữ liệu và các sự kiện lịch sử liên quan đến các rủi ro được giám sát;
- Khả vị rủi ro và mong muốn của Hội đồng Quản trị;
- Tình hình thực tế vận hành của các bộ phận kinh doanh và bộ phận nghiệp vụ liên quan dựa trên ý kiến của các trưởng bộ phận.



Trưởng phòng Quản trị Rủi ro đề xuất hạn mức rủi ro đối với từng loại rủi ro theo đặc trưng của từng Bộ phận và Nghiệp vụ lên Tổng Giám đốc phê duyệt.

Tổng giám đốc đề xuất tổng hạn mức rủi ro cùng với hạn mức rủi ro của từng Bộ phận và Nghiệp vụ lên Hội đồng Quản trị phê duyệt.

4. Báo cáo rủi ro

TVSI duy trì hệ thống báo cáo rủi ro định kỳ hàng ngày, tuần, tháng, quý, năm với nỗ lực đưa các báo cáo được thực hiện định kỳ với khung thời gian thấp nhất để có thể cảnh báo kịp thời tới các bộ phận liên quan. Đồng thời, Phòng Quản trị Rủi ro luôn thể hiện báo cáo với các xu hướng được trải dài qua từng thời kỳ và nhận định các rủi ro đang đối mặt hoặc tiềm ẩn trong tương lai.

TVSI duy trì việc thường xuyên cải tiến báo cáo để bắt kịp xu hướng thay đổi hiện tại, khắc phục những khuyết điểm của các báo cáo sử dụng mô hình cũ và không hiệu quả. Công ty sẵn sàng dừng sử dụng các báo cáo, mô hình đánh giá rủi ro không mang lại hiệu quả và không thể hiện chính xác rủi ro có thể đối mặt.

5. Xử lý rủi ro

TVSI xử lý rủi ro dựa trên mức độ nghiêm trọng, tần suất xảy ra, đặc điểm và chi phí của từng loại rủi ro. Công ty xây dựng các kịch bản có sẵn để xử lý rủi ro khi gặp phải. Bên cạnh đó, với những rủi ro chưa có kịch bản hoặc chưa thể tiên lượng, Phòng Quản trị Rủi ro kết hợp cùng các bộ phận liên quan thống nhất về cách thức xử lý rủi ro.

Công ty thực hiện một số biện pháp xử lý rủi ro cơ bản như sau:

- **Tập trung rủi ro trọng yếu:** TVSI tập trung xử lý các rủi ro trọng yếu mà tổn thất gây ra có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính và khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Bên cạnh đó, những rủi ro có tần suất lặp lại liên tục cũng được Công ty đặc biệt chú ý và tập trung xử lý.
- **Giảm thiểu rủi ro:** Công ty xây dựng các kế hoạch, kịch bản nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra hoặc giảm thiểu tác động xảy ra của rủi ro. Xem xét cập nhật những chính sách và quy trình liên quan để không xảy ra sự cố tương tự.
- **Chia sẻ rủi ro:** TVSI chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho các đối tượng khác thông qua việc mua bảo hiểm (nếu có) cho các hoạt động kinh doanh.

II. Hoạt động quản trị rủi ro chính

Trong quá trình hoạt động, các loại rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh, tài chính, vận hành và danh tiếng của TVSI là: Rủi ro Thị trường, Rủi ro Thanh khoản, Rủi ro Thanh toán, Rủi ro Hoạt động, Rủi ro Pháp lý & Tuân thủ và Rủi ro thương hiệu.

Chi tiết mỗi loại rủi ro trọng yếu cùng cách thức kiểm soát và kết quả năm 2021 sẽ được trình bày dưới đây.

1. Rủi ro thị trường

Các hoạt động chính tiềm ẩn rủi ro thị trường bao gồm hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và hoạt động đầu tư cổ phiếu, trái phiếu. Để giảm thiểu rủi ro từ các nghiệp vụ này, Công ty duy trì công tác đánh giá rủi ro chuyên sâu với sự kết hợp chặt chẽ của các bộ phận liên quan nhằm đánh giá, nhận định xu hướng, dự báo thị trường, đưa ra



định mức, chiến lược phân tích rủi ro, hệ thống cảnh báo và xử lý rủi ro. Cụ thể, Công ty đã thực hiện những nghiệp vụ như:

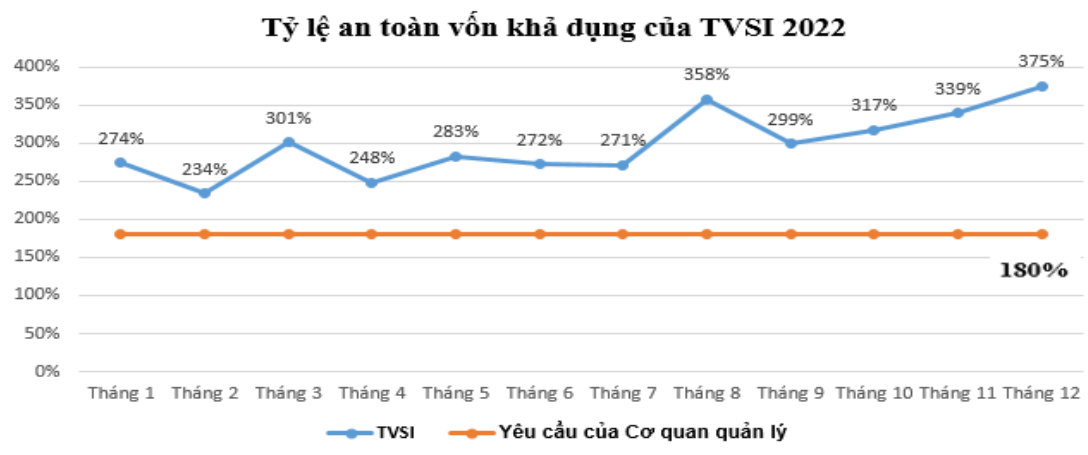
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá, dự báo thị trường và điều chỉnh kế hoạch, các phương án xử lý tùy theo diễn biến thị trường. Chủ động giảm rủi ro ở các tài sản được đánh giá có rủi ro cao sang các tài sản có rủi ro thấp hơn.
- Hội đồng đầu tư, Hội đồng tín dụng với các phiên họp định kỳ đảm bảo việc đầu tư và cho vay giao dịch ký quỹ an toàn trong hạn mức phê duyệt và bám sát kế hoạch kinh doanh, hoạt động của Công ty.
- Giám sát tình hình cho vay và tài sản đảm bảo, Công ty luôn cố gắng phân bổ dư nợ đa dạng theo mã và theo khách hàng, tránh tập trung rủi ro.
- Lựa chọn đầu tư những tài sản chất lượng tốt, quy định về hạn mức đầu tư với từng nhóm, ngành, loại tài sản và tuân thủ quy định về giới hạn đầu tư

2. Rủi ro thanh toán

Xảy ra trong nghiệp vụ cho vay giao dịch ký quỹ khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản như cam kết. Công ty đã thực hiện các hoạt động sau để phòng ngừa rủi ro thanh toán:

- Xây dựng Quy chế Giao dịch ký quỹ làm cơ sở cho hoạt động cho vay quy định rõ ràng về hạn mức cho vay, tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo, cách thức xử lý tài sản và thông báo đến khách hàng, đối tác.
- Xây dựng mô hình định giá rủi ro thanh toán của hoạt động Giao dịch ký quỹ, quy trình xếp hạng, phân loại tài sản nhằm đảm bảo tài sản đảm bảo của các đối tác được dùng để ký quỹ cho vay là những tài sản giá trị, dễ dàng thu hồi và có tính thanh khoản cao. Xây dựng danh mục các loại sản phẩm dịch vụ thực hiện cung cấp cho khách hàng, danh mục chứng khoán cho vay ký quỹ, đảm bảo các danh mục được xây dựng trên cơ sở các phân tích nghiên cứu cụ thể, thường xuyên được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của công ty và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.
- Đánh giá liên tục khả năng thanh toán của đối tác, Phòng Quản trị Rủi ro kết hợp cùng Khối Dịch vụ Tài chính theo dõi sát sao tình hình dư nợ theo từng khách hàng và có những cảnh báo kịp thời trong từng giai đoạn, có kịch bản dự phòng cho những tình huống cụ thể

3. Rủi ro thanh khoản



TVSI luôn duy trì hợp lý các chỉ tiêu tài chính nhằm đảm bảo việc thanh toán các nghĩa vụ đến hạn thể hiện thông qua:

- Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty luôn được duy trì ở mức cao, đảm bảo luôn vượt xa yêu cầu của Cơ quan quản lý là 180%.



- Theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán trong hiện tại và tương lai, chủ động xây kế hoạch dự phòng lượng tiền mặt cần thiết hoặc dự kiến nguồn huy động để đáp ứng các quy định về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.
- Xây dựng cơ cấu danh mục phù hợp nhằm đảm bảo danh mục có thể chuyển đổi thành tiền trong thời gian ngắn nhất kể cả trong điều kiện thị trường khủng hoảng.
- Xây dựng các mô hình và các kịch bản thị trường, theo dõi chặt chẽ biến động của thị trường để có các biện pháp cảnh báo và phòng ngừa khả năng mất thanh khoản của thị trường, xử lý kịp thời nhằm hạn chế thấp nhất giá trị rủi ro có thể phát sinh.
- Công ty xây dựng hệ thống báo cáo định kỳ chi tiết, cập nhật tự động trạng thái tài chính với các số liệu đầy đủ đồng thời thể hiện xu hướng và cảnh báo.

4. Rủi ro Hoạt động

TVSI luôn đánh giá rủi ro hoạt động là một trong những rủi ro hàng đầu cần được kiểm soát, các nguyên nhân đến từ việc vận hành không tốt các hệ thống, quy trình.. TVSI đã sử dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro như sau:

- Xây dựng các quy chế, quy định và các văn bản hướng dẫn nhằm đảm bảo chặt chẽ công tác quản lý, hoạt động trong các bộ phận cũng như liên kết trong Công ty. Các văn bản nêu rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đồng thời cũng quy định chi tiết nhiệm vụ, chức năng trong công việc.
- Xây dựng hệ thống dự phòng chạy song song đảm bảo mạng lưới luôn hoạt động liên tục, thông suốt, áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro công nghệ, sao lưu dữ liệu thường xuyên, định kỳ.
- Thành lập Ban rà soát quy trình, chuyên trách về giám sát hệ thống quy trình, Ban xử lý sự cố với các thành viên là chuyên gia của TVSI có nhiều kinh nghiệm trong xử lý các sự cố. Xây dựng quy trình xử lý sự cố, đảm bảo các sự cố được xử lý nhanh chóng và hiệu quả nhất.
- TVSI ghi nhận và thống kê các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động, đánh giá từng lỗi theo mức độ nghiêm trọng và tần suất phát sinh nhằm xác định mức độ ưu tiên xử lý khắc phục và giảm thiểu rủi ro trong tương lai.
- Nâng cao tính thực thi và hiệu quả trong công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên/định kỳ.
- Thực hiện đào tạo, xuất bản bản tin cảnh báo rủi ro, nhắc nhở từng nhân viên nâng cao ý thức tuân thủ quy trình, quy định và quản trị rủi ro.
- Công ty không chấp nhận những hành động cố tình làm sai dẫn đến mất mát cho khách hàng, thiệt hại nghiêm trọng đến Công ty và luôn có những cam kết, quy chế đến từng nhân viên để cảnh báo những hành động này.

5. Rủi ro Pháp lý và Tuân thủ

TVSI luôn cố gắng cập nhật và hoạt động theo các văn bản pháp lý mới nhất, Công ty luôn hướng tới việc thực hiện đúng hướng dẫn của pháp luật và các cơ quan quản lý. Đồng thời, để phòng ngừa rủi ro pháp lý và tuân thủ, TVSI thực hiện:

- Phòng Pháp chế cập nhật thường xuyên các văn bản pháp luật và so sánh các điểm khác biệt, thay đổi so với các văn bản quy định đã hết hiệu lực và phổ biến tới toàn hệ thống TVSI, thông báo đến các khách hàng khi cần thiết.
- Thường xuyên góp ý tới các dự thảo thay đổi thông tư, nghị định. Đồng thời, Phòng Quản trị Rủi ro kết hợp với các bộ phận nghiệp vụ liên quan lên kịch bản và áp dụng với các văn bản đang được dự thảo.
- Định kỳ rà soát các văn bản nội bộ và thường xuyên bổ sung các văn bản mới phù hợp với hoạt động kinh doanh cũng như quy định hiện tại của pháp luật. Đồng thời, hoạt động đào tạo hướng dẫn quy trình tuân thủ tới các bộ phận nghiệp vụ.
- Hợp tác chặt chẽ với các Cơ quan chức năng trong việc báo cáo, công bố thông tin và hỗ trợ các đoàn thanh tra, kiểm tra các giao dịch bất thường.



- Thành lập Ban xử lý khiếu nại. Xây dựng quy trình xử lý khiếu nại, cập nhật liên tục các sự cố và khiếu nại phát sinh, phân tích để đưa ra giải pháp hài hòa nhất trên cơ sở luôn đảm bảo quyền lợi của Nhà đầu tư
- Phòng Quản trị Rủi ro kết hợp với Kiểm soát Nội bộ thường xuyên rà soát, kiểm tra tuân thủ của các Phòng/Ban/Bộ phận theo định kỳ hoặc khi có phát sinh bất thường một cách chặt chẽ. Từ đó đưa ra những đề xuất cải tiến, thay đổi quy trình làm việc khi có những vướng mắc phát sinh đồng thời sẵn sàng xử lý các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

6. Rủi ro Thương hiệu

TVSI hiểu rõ thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu nhận biết, định vị sản phẩm/ dịch vụ doanh nghiệp mà đã trở thành một tài sản có giá trị đặc biệt với Công ty. Thương hiệu thường xuyên được liệt kê và đưa vào danh sách các rủi ro mới nổi trong các cuộc khảo sát về rủi ro lớn mà các tổ chức phải đối mặt. Đi cùng với niềm tin, thương hiệu đối với doanh nghiệp chiếm vị thế vô cùng quan trọng tuy nhiên cũng là yếu tố dễ chịu tác động bởi các yếu tố bên ngoài, vì vậy luôn tiềm ẩn các yếu tố về rủi ro. Chính vì vậy mà TVSI luôn xem việc minh bạch từ hoạt động kinh doanh đến công bố thông tin là tôn chỉ duy nhất về truyền thông để giảm thiểu tối đa rủi ro thương hiệu của mình ngay từ những ngày đầu thành lập.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2023

Những khó khăn của năm 2022 có thể sẽ kéo dài sang năm 2023, tuy nhiên triển vọng năm 2023 sẽ có những chuyển biến tích cực hơn khi lạm phát giảm dần, lãi suất có xu hướng tạo đỉnh và giảm dần; áp lực lên tỷ giá giảm, chính sách tiền tệ sẽ nới lỏng dần và dòng tiền lớn trở lại khi định giá đang ở vùng hấp dẫn

- ☞ Trong năm 2023, hoạt động Quản trị Rủi ro sẽ tiếp tục được nâng cao và hoàn thiện để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế cũng như thực tế kinh doanh của TVSI.
- ☞ Đội ngũ nhân sự, hệ thống mạng lưới chi nhánh được thu gọn cùng với đó là một loạt các hệ thống giao dịch và phần mềm hỗ trợ, dự kiến trong năm 2023, TVSI sẽ tiếp tục đối mặt với các vấn đề liên quan đến rủi ro hoạt động, đặc biệt là từ nguyên nhân hệ thống, từ yếu tố rủi ro bên ngoài liên quan đến nhu cầu về hàng hóa dịch vụ xuất khẩu của một số thị trường lớn như Mỹ hay Châu Âu
- ☞ Ngoài ra, rủi ro về thanh khoản vẫn tồn tại xuyên suốt trong năm do áp lực lớn đến từ lượng trái phiếu doanh nghiệp đến hạn, bất ổn chính trị cũng là những nguyên nhân làm cho rủi ro thị trường tăng cao, có thể dẫn tới những đợt biến động giá mạnh trên thị trường. Từ việc rủi ro thị trường tăng cao sẽ dẫn đến rủi ro tín dụng liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và chi phí phòng ngừa rủi ro tài chính sẽ tăng cao.
- ☞ Chính vì vậy, trong năm 2023, TVSI sẽ chú trọng đến việc đầu tư nâng cao chất lượng và số lượng nhân sự quản trị rủi ro, có khả năng xử lý toàn diện 05 rủi ro trọng yếu. Bộ phận Quản trị rủi ro cải thiện nhân sự nhằm đẩy mạnh việc xây dựng, cập nhật các mô hình đo lường rủi ro mới phù hợp với Công ty, đồng thời kết hợp với các bộ phận khác để công nghệ hóa các công cụ theo dõi, nhận diện, giám sát rủi ro nâng cao hiệu quả công việc. Tự động hóa trong quy trình quản trị rủi ro sẽ tăng độ chính xác, tối ưu năng suất lao động và giúp việc quản trị rủi ro kịp thời, hiệu quả.
- ☞ Bên cạnh đó, việc xây dựng và áp dụng các mô hình đánh giá rủi ro mới nhằm xây dựng được cơ cấu tài sản, doanh thu, lợi nhuận vững chắc trước các rủi ro thị trường, thanh khoản là một trong những ưu tiên hàng đầu trong giao đoạn này của bộ phận Quản trị rủi ro.
- ☞ Không những thế, TVSI sẽ thực hiện một số hoạt động đào tạo nhằm nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro đối với tập thể nhân viên trong Công ty. Đó là một trong những yếu tố quan trọng giúp TVSI có thể phát hiện và phòng tránh những rủi ro tiềm ẩn.
- ☞ Bộ phận Quản trị rủi ro tiếp tục duy trì các hoạt động với các đơn vị khác đang mang lại hiệu quả:
 - Kết hợp với Pháp chế rà soát toàn bộ các quy trình, quy định, quy chế, các văn bản nội bộ nhằm cập nhật đúng với quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo chặt chẽ trong quá trình hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động toàn Công ty.



- Kết hợp với Kiểm soát Nội bộ rà soát định kỳ và bất thường hàng năm các đơn vị kinh doanh, bộ phận nghiệp vụ. Rà soát toàn bộ các quy trình, quy định nội bộ cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty và các thay đổi của văn bản pháp luật. Đánh giá rủi ro hoạt động và tuân thủ mang tính độc lập, minh bạch đối với từng đơn vị, bộ phận để có những cải tiến về hoạt động, báo cáo kịp thời tới Ban Điều hành.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tình hình tài chính 58
- Báo cáo kết quả hoạt động 61
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 63
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu 66
- Thuyết minh báo cáo tài chính 67



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		4,265,589,019,085	6,590,895,705,933
I. Tài sản tài chính	110		4,257,682,838,737	6,576,484,018,198
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	A 7.1	1,967,307,298,084	349,001,187,461
1.1. Tiền	111.1		1,967,307,298,084	349,001,187,461
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	A 7.3.1	1,913,144,137,185	1,018,035,075,824
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	A 7.3.2	-	81,221,039,468
4. Các khoản cho vay	114	A 7.3.3	362,667,411,124	5,119,588,967,298
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(20,427,466,345)	(46,580,484)
6. Các khoản phải thu	117	A 7.4	271,585,800	1,790,199,627
6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	
6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		271,585,800	1,790,199,627
6.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		271,585,800	1,790,199,627
7. Trả trước cho người bán	118	A 7.4	2,041,134,830	2,272,983,459
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	A 7.4	3,818,274,192	5,273,591,631
9. Các khoản phải thu khác	122	A 7.4	31,434,115,692	381,981,410
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129		(2,573,651,825)	(1,034,427,495)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		7,906,180,348	14,411,687,735
1. Tạm ứng	131		327,904,159	322,406,714
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		1,066,746,470	1,439,948,000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	A 7.5	6,511,529,719	12,628,888,777
4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	20,444,244
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250-260)	200		71,718,623,224	106,156,093,979
I. Tài sản cố định	220		37,519,645,061	22,443,164,354
1. Tài sản cố định hữu hình	221	A 7.6	28,384,935,466	18,930,594,592
- Nguyên giá	222		64,361,661,959	45,174,814,159
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(35,976,726,493)	(26,244,219,567)
2. Tài sản cố định vô hình	227	A 7.7	9,134,709,595	3,512,569,762
- Nguyên giá	228		27,998,146,912	19,834,350,962
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(18,863,437,317)	(16,321,781,200)
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240			3,485,061,125
II. Tài sản dài hạn khác	250		34,198,978,161	80,227,868,500
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		3,136,726,735	48,336,114,135
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		127,763,601	668,314,120
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253			
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	A 7.8	20,868,051,367	21,177,060,532
4. Tài sản dài hạn khác	255		10,066,436,460	10,046,379,713
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4,337,307,642,309	6,697,051,799,912



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Đơn vị: VND

C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		413,584,051,762	3,162,470,373,850
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		368,641,640,590	2,307,346,628,380
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	70,000,000,000
1.1. Vay ngắn hạn	312	A 7.12	-	70,000,000,000
2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	A 7.12	-	40,000,000,000
3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	A 7.10	34,295,939,192	11,529,105,905
4. Phải trả người bán ngắn hạn	320		2,052,619,372	8,669,903,519
5. Người mua trả tiền trước hạn	321		2,411,450,000	2,842,020,000
6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	A 7.9	110,649,593,205	140,100,057,767
7. Phải trả người lao động	323		20,827,849,836	112,262,721,145
8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		1,073,509,467	701,117,454
9. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	A 7.11	18,002,668,142	26,601,108,461
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		24,080,821,920	63,762,097,488
11. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		39,872,549,000	1,697,942,478,461
12. Các khoản phải trả phải nộp khác ngắn hạn	329		61,351,573,313	38,473,981,762
13. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		34,126,068,524	74,565,037,799
14. Quỹ khen thưởng phúc lợi	331		19,896,998,619	19,896,998,619
II. Nợ phải trả dài hạn	340		44,942,411,172	855,123,745,470
1. Trái phiếu phát hành dài hạn	346	A 7.13	40,493,000,000	840,000,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351			
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		4,449,411,172	15,123,745,470
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400	A 7.14	3,923,723,590,547	3,534,581,426,062
I. Vốn chủ sở hữu	410		3,923,723,590,547	3,534,581,426,062
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2,639,000,000,000	2,639,000,000,000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2,639,000,000,000	2,639,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1 a		2,639,000,000,000	2,639,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		25,576,883,457	25,576,883,457
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		34,576,883,457	34,576,883,457
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		1,224,569,823,633	835,427,659,148
4.1 Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		1,243,530,786,930	777,030,294,080
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(18,960,963,297)	58,397,365,068
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)	440		4,337,307,642,309	6,697,051,799,912



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG				
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004		56,595,406,780	56,595,406,780
2. Ngoại tệ các loại (ĐVT: USD)	005		173.77	186.97
3. Cổ phiếu đang lưu hành (ĐVT: cổ phiếu)	006		263,900,000	263,900,000
4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	A 7.15	22,223,730,000	80,868,220,000
5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		2,580,000	2,580,000
6. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010			3,500,000,000
7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		1,671,323,900,000	751,200,900,000
8. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013			57,780,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư	021	A 7.16	10,058,080,060,000	11,728,489,400,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		6,609,852,070,000	9,166,497,930,000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		66,112,680,000	67,751,330,000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		3,317,375,580,000	2,144,460,800,000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		21,187,330,000	10,133,760,000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		43,552,400,000	339,645,580,000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	A 7.17	34,536,210,000	48,121,910,000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		34,521,210,000	48,106,910,000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		15,000,000	15,000,000
3. Tài sản tài chính chờ về của NĐT	023		36,726,750,000	343,629,880,000
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		15,428,380,000	54,186,970,000
5. Tiền gửi của khách hàng	026		458,200,918,730	1,712,585,130,553
5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		458,071,694,871	1,576,334,424,703
5.2 Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	027.1			
5.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		129,223,859	136,250,705,850
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		85,407,259	135,466,985,480
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		43,816,600	783,720,370
6. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		458,200,918,730	1,712,585,130,553

Tổng Giám đốc**Kế toán trưởng****Người lập biểu****Nguyễn Việt Cường**
Lê Thanh Tùng
Nguyễn Minh Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		1,145,846,429,697	1,347,796,572,062
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	B 7.1	568,586,702,373	350,044,999,252
<i>b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	01.2		(59,831,782,136)	56,938,510,470
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3	B 7.2	637,091,509,460	940,813,062,340
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	B 7.2	12,369,029,536	8,716,021,158
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	B 7.2	443,112,009,446	538,368,475,369
1.4 Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	B 7.2	25,205,479	21,369,863
1.5 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		396,470,242,365	763,714,837,004
1.6 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		35,297,000,000	149,111,487,500
1.7 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		500,097,134,385	543,873,341,993
1.8 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		4,219,824,089	3,246,113,636
1.9 Thu nhập hoạt động khác	11		884,579,242	743,230,550
Cộng doanh thu hoạt động (20=01->11)	20		2,538,321,454,239	3,355,591,449,135
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		691,105,004,323	994,682,881,761
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1	B 7.1	662,833,462,831	992,629,073,759
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2		28,200,880,527	1,897,603,421
<i>c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.3		70,660,965	156,204,581
2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		365,860,798,904	300,273,650,207
2.3 Chi phí hoạt động tự doanh	26		275,033,413,500	185,720,674,337
2.4 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	B 7.3	387,009,895,570	564,544,654,079
2.5 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	B 7.3	4,937,291,314	5,448,187,475
2.6 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	B 7.3	6,622,727,764	11,044,703,061
2.7 Chi phí các dịch vụ khác	32	B 7.3	919,224,330	17,902,408
Cộng chi phí hoạt động (40=21->32)	40		1,731,488,355,705	2,061,732,653,328



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		9,504,760,967	4,998,613,697
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=41->44)	50		9,504,760,967	4,998,613,697
IV. CHI PHÍ BÁN HÀNG				
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	B 7.5	(3,826,461,795)	106,795,722,423
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-61-62)				
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1 Thu nhập khác	71		4,463,047,629	853,362
7.2 Chi phí khác	72		1,504,786,596	6,995
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80		2 958,261 033	846,367
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)				
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		582,514,012,288	678,836,672,237
8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(88,032,662,663)	55,040,907,049
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN				
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		116,013,519,438	134,699,160,286
9.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		(10,674,334,298)	11,387,702,094
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)				
11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		1,475	2,227

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Cường

Kế toán trưởng

Lê Thanh Tùng

Người lập biểu

Nguyễn Minh Tiến

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		494,481,349,625	733,877,579,286
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(6,008,204,641)	51,049,503,017
- Khấu hao TSCĐ	03		12,510,654,443	4,720,209,703
- Các khoản dự phòng	04		(18,518,859,084)	46,329,293,314
- Dự thu tiền lãi	08			
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		28,200,880,527	1,897,603,421
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		28,200,880,527	1,897,603,421
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		59,831,782,136	(56,938,510,470)
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		59,831,782,136	(56,938,510,470)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		1,975,409,377,001	(2,621,441,636,875)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(983,141,724,024)	(663,814,473,490)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		81,221,039,468	102,538,237,834
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		4,756,921,556,174	(2,036,752,244,035)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	11,332,500
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		1,518,613,827	3,811,833,666
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		1,455,317,439	11,110,625,710
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(31,052,134,283)	(370,126,919)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		599,940,211	(431,364,401,088)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(8,598,440,319)	17,787,527,048
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		6,657,909,577	(8,740,194,035)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(89,699,160,286)	(120,138,958,415)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		16,149,549,140	5,870,392,507
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		372,392,013	24,464,995
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(55,764,823,714)	44,194,833,722
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(91,434,871,309)	46,369,555,324
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(17,234,254,017)	22,846,846,712
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		40,556,379,253,881	30,841,314,311,089
- Tiền Chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(42,168,940,786,777)	(30,456,141,200,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		2,551,915,184,648	(1,891,555,461,621)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(24,102,074,025)	(15,136,475,886)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(24,102,074,025)	(15,136,475,886)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71			1,397,000,230,000
2. Tiền vay gốc	73		200,000,000,000	991,000,000,000
2.1 Tiền vay khác	73.2		200,000,000,000	991,000,000,000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(1,109,507,000,000)	(881,000,000,000)
3.1 Tiền chi trả gốc vay khác	74.3		(1,109,507,000,000)	(881,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		(909,507,000,000)	1,507,000,230,000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		1,618,306,110,623	(399,691,707,507)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		349,001,187,461	748,692,894,968
Tiền	101.1		349,001,187,461	748,692,894,968
Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103		1,967,307,298,084	349,001,187,461
Tiền	103.1		1,967,307,298,084	349,001,187,461
Các khoản tương đương tiền	103.2			



BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

Đơn vị: VND

PHẦN LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		90,817,697,667,650	158,723,796,806,850
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(84,323,747,144,910)	(158,694,430,103,989)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		288,664,300,924,118	392,048,969,462,930
4. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	07.1			(4,439,272,740)
5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(296,407,913,926,950)	(391,147,510,147,069)
6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(4,721,731,731)	(5,375,298,836)
7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		10,692,004,954,193	12,855,147,042,946
8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(10,692,004,954,193)	(12,855,147,042,946)
Tăng/Giảm tiền thuần trong kỳ	20		(1,254,384,211,823)	921,011,447,146
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		1,712,585,130,553	791,573,683,407
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý. Trong đó có kỳ hạn:	32		1,576,334,424,703	784,564,498,298
- Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	32.1			4.439.272.740
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		136,250,705,850	2,569,912,369
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40=20+30)	40		458,200,918,730	1,712,585,130,553
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý. Trong đó có kỳ hạn:	42		458,071,694,871	1,576,334,424,703
- Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	42.1		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		129,223,859	136,250,705,850

Tổng Giám đốc**Nguyễn Việt Cường**

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng
Lê Thanh Tùng**Người lập biểu**
Nguyễn Minh Tiến

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
			Tại 01/01/2021	Tại 01/01/2022	Năm 2021		Năm 2022		Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2022
					Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu	7001	A 7.14								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	7002		1,080,000,000,000	2,639,000,000,000	1,559,000,000,000				2,639,000,000,000	2,639,000,000,000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	7003		1,080,000,000,000	2,639,000,000,000	1,559,000,000,000				2,639,000,000,000	2,639,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	7009		14,492,274,912	25,576,883,457	11,084,608,545				25,576,883,457	25,576,883,457
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	7010		23,492,274,912	34,576,883,457	11,084,608,545				34,576,883,457	34,576,883,457
4. Lợi nhuận chưa phân phối	7014		438,456,694,459	835,427,659,148	691,640,880,008	294,669,915,319	601,473,667,502	212,331,503,017	835,427,659,148	1,224,569,823,633
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	7015		423,712,534,346	777,030,294,080	631,412,501,535	278,094,741,801	567,056,282,401	100,555,789,551	777,030,294,080	1,243,530,786,930
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	7016		14,744,160,113	58,397,365,068	60,228,378,473	16,575,173,518	34,417,385,101	111,775,713,466	58,397,365,068	(18,960,963,297)
Cộng	7017		1,556,441,244,283	3,534,581,426,062	2,272,810,097,098	294,669,915,319	601,473,667,502	212,331,503,017	3,534,581,426,062	3,923,723,590,547



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006, và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 2.639.000.000.000 VND.

Trụ sở chính tại: Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 409 người (tại ngày 01/01/2022 là 526 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Môi giới chứng khoán;

Tự doanh chứng khoán;

Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

Tư vấn tài chính;

Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Lưu ký chứng khoán;

Kinh doanh chứng khoán phái sinh;

Các dịch vụ tài chính khác.

Những đặc điểm chính về hoạt động:

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Hồ Chí Minh: 66 Phó Đức Chính, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3838 6868 | Fax: (028) 3920 7542

Mỹ Đình: Tầng 2, tòa nhà AP, 87 Trần Thái Tông, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3792 5183 | Fax: (024) 3792 5180
(Đang làm thủ tục đóng cửa Chi nhánh Mỹ Đình)

Đà Nẵng: 115 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 375 2282 | Fax: (0236) 375 2283

Thăng Long: Tầng 10, Tòa nhà 25 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: (024) 37170068 | Fax:
(Đang làm thủ tục đóng cửa Chi nhánh Thăng Long)

Hải Phòng: Tầng 3, 10 Lê Hồng Phong - Hải Phòng
Điện thoại: (0225) 375 7559 | Fax: (0225) 375 7560

Quy Nhơn: Số 147 Lê Hồng Phong, Phường Trần Phú, TP Quy Nhơn, Bình Định
Điện thoại: (0256) 381 8840 | Fax: (0256) 381 8820

Ngọc Khánh: Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 Phạm Huy Thông, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3237 3090 | Fax: (024) 3237 3092

Hà Thành: Tầng 3, Tòa nhà 33 Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 37173248 | Fax: (024) 37173250
(Đang làm thủ tục đóng cửa Chi nhánh Hà Thành)

Đặc điểm kinh doanh trong kỳ ảnh hưởng đến kỳ báo cáo

Lợi nhuận sau thuế giảm 198.6 tỷ đồng (-33.8%) so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu như sau: tổng doanh thu và thu nhập khác giảm 808 tỷ đồng (-24.05%); trong năm 2022 ghi nhận lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) giảm 202 tỷ đồng (-14.98%) so với cùng kỳ năm trước, lãi từ các khoản cho vay và phải thu giảm 95 tỷ đồng (-17.69%), doanh thu nghiệp vụ môi giới giảm 367 tỷ đồng (-40.09%), doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán giảm 113.8 tỷ đồng (-76.33%), doanh thu lưu ký chứng khoán giảm 44 tỷ đồng (-8.05%). Tổng chi phí 2022 giảm 569 tỷ đồng (-21.7%), do Chi phí các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) giảm 304 tỷ đồng (-30.52%) so với cùng kỳ năm trước, chi phí hoạt động tự doanh giảm 89 tỷ đồng (-48.09%), chi phí nghiệp vụ môi giới giảm 177.5 tỷ đồng (-31.45%), chi phí bán hàng giảm 129.5 tỷ đồng (-28.27%), chi phí quản lý giảm 110.6 tỷ (-103.5%) so với cùng kỳ.



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy tính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được theo dõi riêng trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua Lãi/lỗ: là các tài sản thuộc Danh mục tài sản tài chính của công ty được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu, phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn: là tài sản thuộc Danh mục tài sản Tài chính của công ty và là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, có kỳ đáo hạn cố định mà công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá thị trường thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo. Các khoản cho vay được ghi nhận khi công ty trở thành một bên tham gia trong cá điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính;

Công ty thực hiện phân loại các khoản cho vay theo Phương pháp định tính và định lượng.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS: là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nguyên tắc phân loại nợ tài chính

Nợ vay

Là các khoản vay tạm thời với Ngân hàng hoặc đối tượng cho vay khác.



Nợ vay tài sản tài chính

Phản ánh các khoản vay tạm thời bằng tài sản tài chính với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc đối tượng cho vay khác theo quy định của pháp luật chứng khoán cho phép.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường không có tài sản đảm bảo cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.

Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản phí phải trả hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho sở GDCK, TTLKCKVN, phải trả đại lý phát hành chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06
Tài sản cố định khác	03



Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Phản ánh các khoản nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền với các đối tượng trong hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Doanh thu, thu nhập

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra, chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo giá trị thị trường và khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL.

Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay và phải thu phù hợp với quy định của pháp luật.

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật về doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu từ hoạt động tài chính

Bao gồm các loại sau: Doanh thu từ chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái; doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định; doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh; doanh thu đầu tư khác.

Thu nhập hoạt động khác

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành, doanh thu khác.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không



bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó (trừ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh). Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực ngày 01/01/2017 quy định về nguyên tắc giá trị hợp lý như sau “Giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, đối với một số loại tài sản hoặc nợ phải trả mà giá trị biến động thường xuyên theo giá thị trường và giá trị của chúng có thể xác định lại một cách đáng tin cậy thì được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính”.



Công ty áp dụng phương pháp giá trị hợp lý cho ghi nhận sau ghi nhận ban đầu những tài sản tài chính của công ty từ kỳ kế toán năm 2017.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK

Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK

Rủi ro là các sự kiện không chắc chắn có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh, gây ảnh hưởng bất lợi đến việc thực hiện mục tiêu kinh doanh của Công ty. Công ty sẽ sử dụng vốn chủ sở hữu, lợi nhuận kỳ vọng và các nguồn lực tài chính sẵn có để bù đắp rủi ro có thể phát sinh tại mọi thời điểm.

Hoạt động Quản trị rủi ro của Công ty thực hiện theo Hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho CTCK ban hành kèm theo Quyết định số 105/2013/QĐ-UBCK 26 tháng 02 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

HĐQT chịu trách nhiệm cao nhất về hoạt động quản trị rủi ro tại Công ty, phê duyệt các chính sách và hạn mức rủi ro. HĐQT giao quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện triển khai hoạt động quản trị rủi ro theo chính sách và các hạn mức đã phê duyệt. HĐQT cử 01 thành viên phụ trách quản trị rủi ro có nhiệm vụ hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng nhiệm vụ liên quan đến hoạt động Quản trị rủi ro

Rủi ro tín dụng

Hoạt động tín dụng của Công ty được hiểu là cho vay theo Quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016, theo đó Công ty được cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán dưới hình thức giao dịch ký quỹ, cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và cho vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch, hoặc cho vay chứng khoán để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Rủi ro tín dụng đối với Công ty được hiểu là một phần của rủi ro thanh toán, rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường.

Mục đích của quản lý rủi ro thanh khoản để đảm bảo Công ty đủ nguồn đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đến hạn. Công ty áp dụng chính sách theo dõi thường xuyên thanh khoản hiện tại và tương lai, duy trì đủ lượng tiền mặt và các khoản vay sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu về thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường của Công ty là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.

Rủi ro tiền tệ

Các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng đồng Việt Nam, nên không phát sinh rủi ro tiền tệ.



6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK

Phương pháp định giá áp dụng, kỹ thuật định giá

Công ty sử dụng phương pháp so sánh giá thị trường để định giá cổ phiếu. Cụ thể:

Đối với các cổ phiếu đã niêm yết là giá đóng cửa ngày giao dịch gần nhất với thời điểm lập báo cáo.

Đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Upcom là giá bình quân gia quyền của giá giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết, là giá trị có thể nhận được khi bán hoặc chuyển nhượng cổ phiếu đó tại thời điểm lập báo cáo.

Công ty sử dụng phương pháp giá gốc đối với các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước, phải thu khác.

Hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp định giá và kỹ thuật định giá

Công ty nhận định các phương pháp định giá được Công ty sử dụng là phù hợp với yêu cầu quản lý, theo dõi và kiểm soát rủi ro của Công ty.

Chính sách định giá các tài sản tài chính thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo nguyên tắc giá gốc.

Đối với các khoản cho vay, khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc, chính sách định giá của Công ty được thực hiện như sau:

Khi Giá trị thị trường của tài sản đảm bảo > Dư nợ cho vay, Số phải thu tính bằng Dư nợ cho vay.

Khi Giá trị thị trường của tài sản đảm bảo < Dư nợ cho vay, Số phải thu tính bằng Dư nợ cho vay. Phần chênh lệch giữa Dư nợ cho vay và giá trị thị trường của tài sản đảm bảo được trích lập dự phòng.

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (đơn vị tính: đồng)

A.7.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	1,390,822,995,820	347,015,748,884
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	576,484,302,264	1,985,438,577
Các khoản tương đương tiền		
	1,967,307,298,084	349,001,187,461

A.7.2 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Của công ty chứng khoán	1,904,481,535	191,119,023,133,818
- Cổ phiếu	14,425,109	382 745 646 586
- Chứng quyền có đảm bảo		
- Trái phiếu	1,890,056,426	190,736,277,487,232
b) Của nhà đầu tư	8,012,007,667	367,368,606,334,502
- Cổ phiếu	6,744,674,752	174 050 534 072 270
- Trái phiếu	1,267,332,915	193,318,072,262,232
Tổng	9,916,489,202	558,487,629,468,320



A 7.3 CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

A 7.3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Tài sản Tài chính FVTPL	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cộng	1,927,655,689,310	1,913,144,137,185	944,513,965,286	1,018,035,075,824

A7.3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Tài sản Tài chính HTM	Số cuối năm	Số đầu năm
Cộng		81,221,039,468

A7.3.3 Các khoản cho vay và phải thu

Khoản cho vay và phải thu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cộng	362,667,411,124	342,239,944,779	5,119,588,967,298	5,119,542,386,814



A7.3.4 Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị TSCĐ thuộc danh mục TSCĐ của công ty chứng khoán

STT	Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm					Số đầu năm				
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	CL đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước	CL đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
I	FVTPL	1,927,655,689,310	1,913,144,137,185	7,496,021,242	22,007,573,367	1,913,144,137,185	944,513,965,286	1,018,035,075,824	75,618,723,227	2,097,612,689	1,018,035,075,824
1	Cổ phiếu	181,451,702,398	166,940,150,273	7,496,021,242	22,007,573,367	166,940,150,273	132,180,296,011	205,701,406,549	75,618,723,227	2,097,612,689	205,701,406,549
2	Chứng chỉ tiền gửi	29,371,785,841	29,371,785,841			29,371,785,841	-	-			-
3	Trái phiếu chưa niêm yết	1,691,832,201,071	1,691,832,201,071			1,691,832,201,071	812,333,669,275	812,333,669,275	-	-	812,333,669,275
4	Quý đại chúng	25,000,000,000	25,000,000,000			25,000,000,000	-	-			-
II	HTM						81,221,039,468	81,221,039,468	-	-	81,221,039,468
1	Tiền gửi có kỳ hạn						81,221,039,468	81,221,039,468	-	-	81,221,039,468
III	Các khoản cho vay và phải thu	362,667,411,124	342,239,944,779		20,427,466,345	342,239,944,779	5,119,588,967,298	5,119,542,386,814			5,119,542,386,814
1	Cho vay hoạt động Margin	315,628,494,225	295,201,027,880		20,427,466,345	295,201,027,880	4,414,367,418,558	4,414,320,838,074		46,580,484	4,414,320,838,074
2	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	47,038,912,782	47,038,912,782			47,038,912,782	705,221,544,623	705,221,544,623			705,221,544,623
3	Cho vay quyền	4,117	4,117			4,117	4,117	4,117			4,117



A 7.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính		
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	271,585,800	1,790,199,627
Dự thu cổ tức - Cổ phiếu phổ thông	271,585,800	150.452.000
Dự thu tiền lãi - Tiền gửi có kỳ hạn cố định		1,639,747,627
Các khoản trả trước cho người bán	2,041,134,830	2,272,983,459
<i>Trong đó, phải thu khó đòi</i>	<i>10,396,000</i>	<i>10.396.000</i>
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3,818,274,192	5,273,591,631
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	123,098,846	1,725,964,877
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	334,502,772	115,462,772
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	260,672,574	332,163,982
Phải thu hoạt động đại lý phát hành chứng khoán	3,100,000,000	3,100,000,000
<i>Trong đó, phải thu khó đòi</i>	<i>2,560,487,102</i>	<i>1,021,262,772</i>
Các khoản phải thu khác	31,434,115,692	381,981,410
Các khoản phải thu khác	31,434,115,692	381,981,410
<i>Trong đó, các khoản phải thu khác khó đòi</i>	<i>2,768,723</i>	<i>2,768,723</i>

A7.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,280,053,271	2,816,367,123
Chi phí trả trước tiền thuê nhà	719,931,274	371,960,847
Chi phí các dịch vụ trả trước khác	4,511,545,174	9,440,560,807
	6,511,529,719	12,628,888,777

A 7.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	41,006,117,578	3,937,514,100	186,504,981	44,677,500	45,174,814,159
Mua trong kỳ	19,332,339,200		91,000,000		19,423,339,200
Thanh lý, nhượng bán	236,491,400				236,491,400
Số dư cuối kỳ	60,101,965,378	3,937,514,100	277,504,981	44,677,500	64,361,661,959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	23,135,285,077	2,877,752,009	186,504,981	44,677,500	26,244,219,567
Khấu hao trong kỳ	9,541,790,516	406,985,586	20,222,224	-	9,968,998,326
Thanh lý, nhượng bán	236,491,400	-	-	-	236,491,400
Số dư cuối kỳ	32,440,584,193	3,284,737,595	206,727,205	44,677,500	35,976,726,493
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	17,870,832,501	1,059,762,091	-	-	18,930,594,592
Số dư cuối kỳ	27,661,381,185	652,776,505	70,777,776	-	28,384,935,466



A7.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	19,834,350,962	19,834,350,962
Tăng trong kỳ	8,163,795,950	8,163,795,950
Số dư cuối kỳ	27,998,146,912	27,998,146,912
KHẤU HAO LŨY KẾ	-	-
Số dư đầu năm	16,321,781,200	16,321,781,200
Khấu hao trong kỳ	2,541,656,117	2,541,656,117
Số dư cuối kỳ	18,863,437,317	18,863,437,317
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	-	-
Tại ngày đầu năm	3,512,569,762	3,512,569,762
Tại ngày cuối kỳ	9,134,709,595	9,134,709,595

A7.8 TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền nộp ban đầu	124,489,244	124.489.244
- Tiền nộp bổ sung	13,798,702,399	13.798.702.399
- Tiền lãi phân bổ trong năm	6,944,859,724	7,253,868,889
	20,868,051,367	21,177,060,532

A7.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	59,452,791	29.031.115
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	86,013,519,438	59.699.160.286
- Thuế thu nhập cá nhân	24,576,620,976	80,371,866,366
- Các khoản phải nộp khác	-	-
	110,649,593,205	140.100.057.767

A7.10 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Sở giao dịch chứng khoán	933,007,086	7,274,283,346
Trung tâm lưu ký chứng khoán	334,655,433	487,462,004
Phải trả giao dịch mua chứng khoán	33,028,276,673	3,767,360,555
	34,295,939,192	11.529.105.905

A7.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi trái phiếu	261,080,490	7,866,575,342
Lãi vay ngân hàng	-	32,986,301
Chi phí phải trả khác	17,741,587,652	18.701.546.818
	18,002,668,142	26.601.108.461



A7.12 VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng		70,000,000,000
Trái phiếu phát hành		40,000,000,000
Cộng		110,000,000,000

A7.13 VAY DÀI HẠN

Vay dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trái phiếu phát hành	40,493,000,000	840,000,000,000
Cộng	40,493,000,000	840,000,000,000

A7.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2021	1,080,000,000,000	14,492,274,912	23,492,274,912	438,456,694,459	1,556,441,244,283
Lợi nhuận trong năm	1,559,000,000,000	-	-	587,790,716,906	2,146,790,716,906
Trích quỹ trong năm	-	11,084,608,545	11,084,608,545	(190,819,752,217)	(168,650,535,127)
Số dư tại ngày 01/01/2022	2,639,000,000,000	25,576,883,457	34,576,883,457	835,427,659,148	3,534,581,426,062
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	389,142,164,485	389,142,164,485
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	2,639,000,000,000	25,576,883,457	34,576,883,457	1,224,569,823,633	3,923,723,590,547

A7.15 TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	22,223,730,000	80,868,220,000
Tài sản tài chính chờ thanh toán		
Cộng	22,223,730,000	80,868,220,000

A7.16 TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	6,609,852,070,000	9,166,497,930,000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	66,112,680,000	67,751,330,000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	3,317,375,580,000	2,144,460,800,000
Tài sản tài chính phong tỏa tạm giữ	21,187,330,000	10,133,760,000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	43,552,400,000	339,645,580,000
Cộng	10,058,080,060,000	11,728,489,400,000



A7.17 TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch. tự do chuyển nhượng	34,521,210,000	48,106,910,000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch. hạn chế chuyển nhượng	15,000,000	15,000,000
Cộng	34,536,210,000	48,121,910,000

B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

(đơn vị tính: đồng)

B7.1 LÃI/LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm 2022	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm 2021
Lãi bán					
Cổ phiếu niêm yết	476,210	18,079,663,370	13,453,100,743	4,626,562,627	21,451,482,441
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
Giấy tờ có giá		4 425 643 789 145	4 413 263 728 316	12 380 060 829	14,157,778,391
Trái phiếu niêm yết	93,000	9,796,053,000	9,689,962,950	106,090,050	
Trái phiếu chưa niêm yết	498,260,741	50,596,617,553,947	50,045,143,565,080	551,473,988,867	314,435,738,420
Tổng cộng	498,829,951	55,050,137,059,462	54,481,550,357,089	568,586,702,373	350,044,999,252
Lỗ bán					
Cổ phiếu niêm yết	6,154,450	166,331,931,480	212,328,717,615	(45,996,786,135)	(2,406,790)
Cổ phiếu chưa niêm yết					
Giấy tờ có giá		1,380,682,191,473	1,381,744,990,922	(1,062,799,449)	(16,477,978)
Trái phiếu niêm yết	1,613,000	175,527,188,000	184,060,365,576	(8,533,177,576)	(13,929,259,474)
Trái phiếu chưa niêm yết	440,690,857	44,114,351,783,606	44,721,592,483,277	(607,240,699,671)	(978,680,929,517)
Tổng cộng	448,458,307	45,836,893,094,559	46,499,726,557,390	(662,833,462,831)	(992,629,073,759)

B7.2 CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm 2022	Năm 2021
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức, tiền lãi)	637,091,509,460	940,813,062,340
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	12,369,029,536	8,716,021,158
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	443,112,009,446	538,368,475,369
Từ tài sản tài chính AFS (lãi phân bổ)	25,205,479	21,369,863
Cộng	1,092,597,753,921	1,487,918,928,730

B7.3 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí môi giới chứng khoán	387,009,895,570	564,544,654,079
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	4,937,291,314	5,448,187,475
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	6,622,727,764	11,044,703,061
Chi phí các dịch vụ khác	919,224,330	17,902,408
Cộng	399,489,138,978	581,055,447,023



B7.4 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí bán hàng	328,641,232,704	458,184,954,162

B7.5 CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

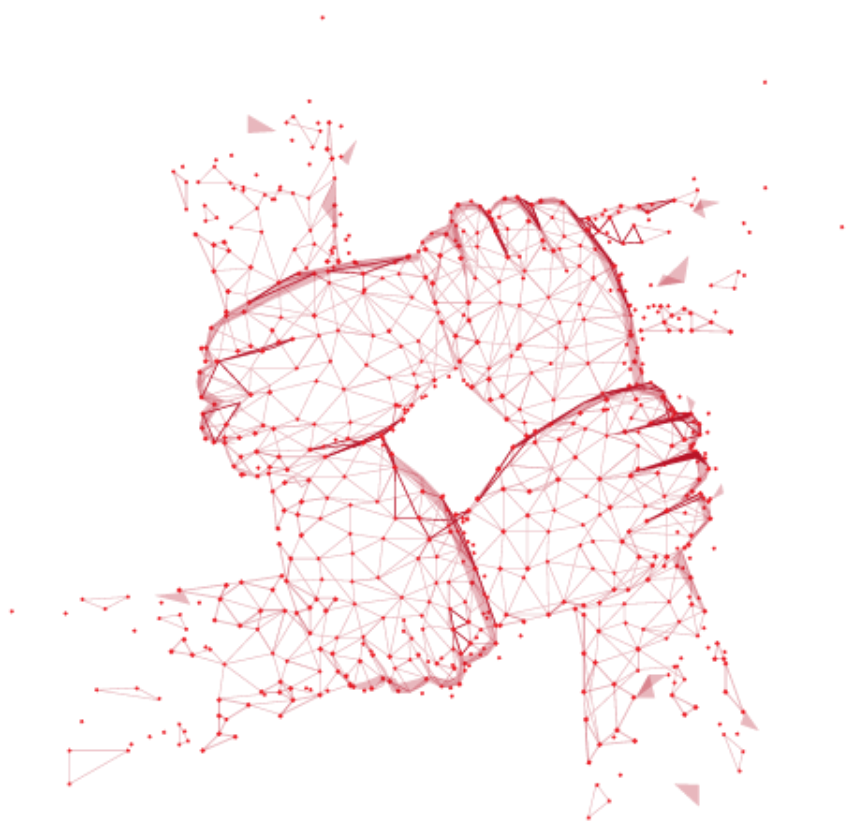
	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	(16,702,542,910)	90,454,497,289
BHXH. BHYT. KPCĐ. BHTN	1,379,460,530	1,265,006,085
Chi phí vật tư văn phòng	2,012,402,418	1,125,265,174
Chi phí khấu hao TSCĐ	295,381,416	314,979,832
Chi phí thuế. phí và lệ phí	489,672,596	526,618,260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,110,903,147	5,962,039,333
Chi phí khác	2,588,261,008	7,147,316,450
	(3,826,461,795)	106,795,722,423

Tổng Giám đốc**Nguyễn Việt Cường***Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023***Kế toán trưởng**
Lê Thanh Tùng**Người lập biểu**
Nguyễn Minh Tiến



Trụ sở chính	Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội Điện thoại: (024) 3728 0921 Fax: (024) 3728 0920 Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: 1900 1885 Website: www.tvsi.com.vn Email: contact@tvsi.com.vn
CN. Ngọc Khánh	Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, Ba Đình, Hà Nội Điện thoại: (024) 3237 3090 Fax: (024) 3237 3092
CN. Hải Phòng	Tầng 3 tòa nhà Akashi, số 10 Lê Hồng Phong, TP. Hải Phòng Điện thoại: (022) 5375 7559 Fax: (022) 5375 7560
CN. Đà Nẵng	Số 115 Lê Lợi, Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (023) 6375 2282 Fax: (023) 6375 2283
CN. Quy Nhơn	Số 147 Lê Hồng Phong, phường Trần Phú, Quy Nhơn, Bình Định Điện thoại: (025) 6381 8860 Fax: (025) 6381 8820
CN. Hồ Chí Minh	Tầng 3-4, số 66 Phó Đức Chính, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM Điện thoại: (028) 3838 6868 Fax: (028) 3920 7542





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

